

Câu Xá Luận Và Tinh Hoa Kinh Luận

Bài 63

Giảng giải: Thầy Thích Thiện Trang

Giảng ngày: 05.11. 2025

Phát trực tiếp trên Kênh YouTube Thích Thiện Trang

https://www.youtube.com/watch?v=hjyED_s5mHA

mạng xã hội Facebook, Fanpage Thích Thiện Trang:

<https://www.facebook.com/suthaythichthientrang>

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính chào toàn thể quý vị đồng tu! Hôm nay là thứ Tư, chúng ta học về ‘Câu Xá Luận và Tinh Hoa Kinh Luận’. Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục vào phần Đại cương, tức là phần căn bản về giáo lý, hay chúng ta học về nền tảng Kinh A Hàm, Kinh NiKaya. Hôm nay chúng ta sẽ giới thiệu một phần khác đó là ‘Lịch sử truyền thừa Phật giáo’. Tức là hôm nay chúng ta sẽ không học phần Vi Diệu Pháp ở phần cuối, mà học Lịch sử truyền thừa Phật giáo để quý vị nắm một chút về lịch sử.

Mời quý vị theo dõi, phần đầu tiên, chúng ta học về một câu chuyện:

Câu Chuyện Đức Phật Khai Thị Cho Một Tỷ-kheo Bị Bệnh Sắp Mạng Chung

(Theo Kinh Tạp A Hàm)

Đây là điều mà tất cả chúng ta cũng nên học tập, bởi vì đời người, ai cũng có lúc phải chết. Cho nên trước lúc chết, mình cần phải chuẩn bị tư lương gì, thì bài kinh này khai thị cho chúng ta điều đó. Nếu chúng ta chuẩn bị tâm tốt thì sẽ như thế nào? Nội dung như sau:

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo tuổi trẻ mới học, xuất gia trong Pháp Luật này chưa được lâu, ít người thân quen, một mình làm lữ khách, không có người cung cấp, đang trú trong phòng khách Tăng ngoài rìa một tụ lạc, bệnh đau nguy khốn. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

Quý vị thấy đây là một tình huống rất thông thường. Đó là một vị Tỳ-kheo trẻ tuổi, đừng nghĩ mình già rồi mình mới chết, ở đây Tỳ-kheo trẻ tuổi từ phương xa, mới tu học, xuất gia chưa được lâu, mà cũng ít có người thân quen (chắc vì mới xuất gia), [một mình] làm lữ khách, không có nhiều người quen. Cho nên lúc đó đang ở ngoài Tăng phòng, ở ngoài rìa tụ lạc, mà lại bị một bệnh rất đau và rất nguy cấp. Lúc đó không có ai lo [cho], vì cũng nơi lạ mà.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo mới đến chỗ của Đức Phật đánh lễ rồi báo lên với Phật như sau:

“Bạch Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tuổi trẻ, mới học... (tức là báo cáo lại đoạn trên) cho đến bệnh đau nguy khốn đang ở trong phòng khách Tăng ngoài biên một tụ lạc. Có Tỳ-kheo bệnh sống ít chết nhiều như vậy. Lành thay! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót mà đến trú xứ này!”

Có nghĩa là thời Đức Phật, còn Đức Phật, cho nên các vị Tỳ-kheo khác thấy tình trạng của vị Tỳ-kheo trẻ này có khả năng sắp qua đời, khả năng sống rất ít, khả năng chết rất nhiều, cho nên tới thỉnh Đức Phật tới để gặp vị Tỳ-kheo này. Quý vị thấy hồi xưa cũng giống chúng ta vậy, cũng mong nương vào những [vị] Thiện tri thức. Ở đây, may quá có Đức Phật, thì các Tỳ-kheo thỉnh Đức Phật tới, nói như ngôn ngữ bây giờ gọi là trợ niệm, hộ niệm.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh dậy, Thế Tôn đến trú xứ ấy. Tỳ-kheo bệnh từ xa trông thấy Thế Tôn, vịn giường muốn dậy. Phật bảo Tỳ-kheo:

“Hãy nằm nghỉ, chớ dậy! Thế nào, Tỳ-kheo! Có thể chịu đựng được

khổ đau không?” ... *Chi tiết như kinh Sai-ma-ca trước đã nói. “Ba thọ như vậy... cho đến bệnh khổ chỉ tăng không giảm”.*

Tức là Đức Phật cũng an ủi một đoạn, giống như bài kinh trước đó. Và cuối cùng Đức Phật nói về khổ: ‘Ba thọ như vậy... cho đến bệnh khổ chỉ tăng không giảm’. Nói chung đoạn đó khai thị để an ủi, chúng ta chỉ cần biết đoạn quan trọng ở đằng sau. Quý vị thấy Đức Phật rất là từ bi. Vị kia thấy Đức Phật tới rất tôn kính, muốn đứng dậy nhưng không dậy được. Đức Phật bảo cứ nằm nghỉ đi, không sao! Sau đó Đức Phật khai thị:

Đức Phật nói với Tỳ-kheo bệnh:

“Bây giờ Ta hỏi ông. Hãy tùy ý trả lời Ta”.

“Ông không có gì hối tiếc chẳng?”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thật sự con có điều hối tiếc”.

Đức Phật hỏi việc đầu tiên, quý vị nhớ nha! Đây là cách khai thị cho người lâm chung, đầu tiên hãy hỏi người ta rằng: “Có gì hối tiếc không?” Vị này thì nói có điều hối tiếc. Vậy thì chúng ta phải giải quyết vấn đề hối tiếc cho người ta. Cũng vậy, khi mình có người thân sắp qua đời thì mình phải hỏi người ta còn điều gì mong mỏi, còn điều gì hối tiếc không? Đây là cách hộ niệm, quý vị nhớ điều này. Nếu chúng ta tự hộ niệm cho mình là tốt hơn, [đó] là mình hãy buông xuống, đừng có hối tiếc gì nữa.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Ông không phạm giới chẳng?”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn! Thật sự, con không phạm giới”.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo bệnh:

“Nếu ông không phạm giới, thì ông có điều gì mà lại hối tiếc?”

Tỳ-kheo bệnh bạch Phật:

“Con tuổi trẻ xuất gia chưa bao lâu, đối với pháp thượng nhân, và tri kiến thắng diệu chưa có sở đắc. Con tự nghĩ, lúc mạng chung, biết tái sinh nơi đâu? Vì vậy con sinh ra hối tiếc”.

Quý vị thấy Đức Phật hỏi vấn đề đầu tiên là ngài ấy có phạm giới hay không? Ngài Tỳ-kheo đó nói là không phạm giới. Bởi vì nếu phạm giới thì sẽ gây ra hối tiếc. Quý vị hiểu không ạ? [Phạm giới] thì sẽ gây bứt rứt trong người. Cho nên ai có phạm giới, cho dù lúc đó có giấu mọi người [đi] chẳng nữa, thì lúc đó có thể bức xúc khởi lên, do vậy mà đọa vào đường ác. Vị Tỳ-kheo này thì không phạm giới, mà chỉ tiếc rằng: ‘Con tuổi trẻ xuất gia chưa lâu, không đắc được pháp thiện nhân nào (tức là không đắc được quả vị gì cả). Con không đắc được tri kiến thắng diệu gì, mà bây giờ con chết đi thì con không biết tái sinh vào nơi đâu. Cho nên con hối tiếc’. Hối tiếc tức là bây giờ mình không có tư lương gì hết. Quý vị hiểu không? Có nghĩa là đời tu mình tu chưa được bao lâu, mình không có được thành tựu nào hết. Cho nên ra đi là hối tiếc, đó là nỗi lo.

Cho nên là ráng tu đi, phải đắc được các pháp, ít nhất là Tu-đà-hoàn thì mình yên tâm rồi, vô sở úy, không sợ hãi nữa. Còn nếu không, thì đắc Thiền để lúc ra đi dù sao cũng yên tâm. Hoặc là phải có niềm tin bất hoại để mình trụ vào, đi theo con đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Chứ không, lúc lâm chung mà không có thành tựu gì thì sợ. Đây là nỗi sợ, nỗi hoang mang, tiếc nuối khi mình tu như vậy. Đây là tâm trạng chung, vị Tỳ-kheo đó cũng vậy.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

“Nay Ta hỏi ông. Hãy tùy ý trả lời Ta. Thế nào, Tỳ-kheo? Vì có mắt nên có Nhãn thức phải không?”

Tỳ-kheo bệnh bạch:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo, ý ông thế nào? Vì có Nhãn thức nên có Nhãn xúc. Do Nhãn

xúc làm nhân làm duyên sinh ra cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

Ở đây chúng ta phân tích một chút. Đức Phật bây giờ khai thị vào vấn đề chánh, Đức Phật không có nói cao siêu, Ngài nói rất đơn giản. Đức Phật nói có phải do có mắt nên có Nhãn thức, tức là do mình có mắt nên mình có sự biết của mắt. Vị Tỳ-kheo nói là đúng: “Bạch [Thế Tôn], đúng vậy”. Rồi Đức Phật hỏi tiếp: Vì có sự biết của mắt (gọi là Nhãn thức) nên có Nhãn xúc (tức là sự tiếp xúc với cảnh bên ngoài hay là những gì đưa vào mắt của mình, [như] hình ảnh đồ đó, là do mắt tiếp xúc với cảnh). Đức Phật nói là do tiếp xúc đó nên mới sinh ra ba cảm thọ: Hoặc là cảm thọ khổ, hoặc là cảm thọ vui, hoặc là không khổ không vui.

Tức là do mình có mắt cho nên có sự biết của mắt. Do sự biết con mắt mà mình tiếp xúc với cảnh bên ngoài. Và cảnh bên ngoài mang lại cho mình cảnh xấu thì mình thấy khó chịu, gọi là không vui; hoặc là cảnh đẹp, cảnh tốt, cảnh thuận ý mình thì gọi là vui; và cảnh bình thường thì không khổ không vui. Đức Phật nói ra nguyên nhân như vậy, thật ra là để phá Thân kiến. Bài này là bài phá Thân kiến đúng không ạ? Ôn lại để mình nhớ vậy thôi.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

Tức là Đức Phật cũng khai thị y chang như vậy. Vì có tai nên mình mới có sự biết về âm thanh. Và do sự biết của tai tức là sự biết về âm thanh đó, cho nên mới có tiếp xúc với âm thanh bên ngoài. Do tiếp xúc với âm thanh đó nên mình sinh ra ba thọ: Một là thọ khổ, tức là âm thanh khó chịu; hai là âm thanh dễ chịu với mình thì thọ lạc, thọ vui; và âm thanh bình bình thì không có cảm giác gì, thì là thọ không khổ không lạc. Đức Phật cũng nói như vậy đối với tỷ, thiệt, thân, ý. Tức là đối với mũi thì là ngửi hương, đối với thiệt tức là lưỡi, đối với thân là tiếp xúc của thân thể, và cuối cùng đối với ý là đối với các pháp, Đức Phật nói như vậy. Quý vị thấy đây là Đức Phật khéo khai thị để phá Thân kiến.

“Thế nào, Tỳ-kheo! Nếu không có mắt thì không có Nhãn thức phải

không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

Lại hỏi:

“Tỳ-kheo! Nếu không có Nhãn thức thì không có Nhãn xúc phải không? Nếu không có Nhãn xúc thì không có Nhãn xúc làm nhân làm duyên sinh cảm thọ hoặc khổ, hoặc lạc, hoặc không khổ không lạc bên trong, phải không?”

Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy”.

Đối với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý cũng nói như vậy.

Có nghĩa là Đức Phật nói ra mấu chốt của vấn đề là nỗi khổ từ đâu, hay vui từ đâu, hay không khổ không vui từ đâu? Tức là do mình có Nhãn thức (tức là có mắt) nên mình có sự biết của mắt. Và có sự biết mắt tiếp xúc với cảnh là cảnh về hình ảnh, và từ đó sinh ra những cảm thọ bên trong của mình là vui hay buồn, hay không vui không buồn. Đức Phật nói ngược lại, như vậy không cần có mắt, tức là không có Nhãn thức (không có sự biết của mắt) thì tất nhiên sẽ không có tiếp xúc với cảnh bên ngoài về mặt hình sắc. Và không có sự biết đó thì tự nhiên không có xảy ra những cảm thọ: khổ hay lạc hay không khổ không lạc.

Rồi đối với các căn còn lại như mũi, tai, lưỡi, thân, ý của mình cũng vậy. Đức Phật chỉ nói khai thị đơn giản vậy thôi, ai hiểu được thì hiểu, rằng không có những thứ đó thì không khổ. Cho nên chấp vào những điều đó, là có ta thì có khổ, có luân hồi. Quý vị hiểu không? Vẫn là bài rất căn bản, tách Ngũ uẩn giai không giùm, đúng không ạ? Tức là Ngũ uẩn không phải là ta, ta không có trong Ngũ uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Nhưng cách nói này khác một chút thôi. Cho nên cách nói này, Đức Phật nói ai mà tin điều đó, hiểu điều đó thì người đó đi theo con đường Tùy tín hành. Và nếu ai có quán sát mạnh hơn một chút về điều đó, thì người đó là Tùy pháp hành. Cho đến quán sát một cách rốt ráo thì

người đó sẽ đạt đến địa vị A-la-hán.

Ở đây, Đức Phật nói tiếp:

“Cho nên, Tỳ-kheo, hãy khéo tư duy pháp như vậy, thì lúc mạng chung được an lành, đời sau cũng an lành”.

Quý vị thấy Đức Phật chỉ dạy như thế thôi, khéo tư duy pháp như vậy thôi, thì lúc mạng chung được an lành, đời sau cũng an lành. Chứ Đức Phật không nói gì cao siêu đúng không? Rất đơn giản!

Thế Tôn sau khi nói pháp cho Tỳ-kheo bệnh, chỉ dạy, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi rời chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Sau khi Thế Tôn đi rồi, không lâu Tỳ-kheo mạng chung. Khi sắp mạng chung, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng.

Như vậy Đức Phật chỉ khai thị là cố gắng suy nghĩ như vậy. Quý vị thấy Thiện Trang cũng thường xuyên nói quý vị: đó là pháp trọng tâm để tu hành. Cố gắng nghĩ về năm điều. Nếu mình học giáo lý sâu một chút thì mình hiểu là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức (Ngũ uẩn) không phải là ta; ta không có trong đó. Nếu như mình không hiểu sâu thì nói như Đức Phật thôi. Tức là sự biết của mắt, sự biết của tai, biết của lưỡi, biết của mũi, biết của thân, biết của ý, [những điều] đó gây ra cho mình khổ. Nó không phải là ta đâu, mà nó gây ra khổ hoặc là vui hay không khổ không vui, đó là thọ. Quán được như vậy thôi, tin như vậy thôi.

Đức Phật nói tư duy được như vậy là mạng chung an lành, đời sau cũng an lành. Và sau khi nói xong như vậy thì Đức Phật ra đi. Sau khi Thế Tôn đi không lâu thì vị Tỳ-kheo này mạng chung. Nhưng khi sắp mạng chung, quý vị thấy các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Cho nên đây là dấu hiệu người ra đi được an lành đó quý vị. Người nào ra đi mà kinh hãi, sợ hãi, là do lúc mạng chung không buông được, còn vướng, còn ôm [điều] gì đó. Còn người tư duy được như vậy [thì mạng chung an lành]. Cho nên tư duy Vô ngã quan trọng lắm quý vị! Còn nếu như mình không tư duy Vô ngã, [mà] mình ôm, mình chấp, mình mong đạt một điều gì đó, thì đến lúc lâm chung xảy ra kinh hoàng. Bởi vì mình chưa buông xuống được. Cho nên ở đây cũng biết tướng ra đi ngon

lành thì chắc là được ngon lành, không biết vị Tỳ-kheo đó đi về đâu.

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Tỳ-kheo trẻ tuổi kia bị bệnh nguy khốn. Nay Tôn giả đã mạng chung. Khi vị này sắp qua đời, các căn vui tươi, tướng mạo thanh tịnh, sắc da tươi sáng. Thế nào, bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo này sẽ sinh về nơi nào? Thọ sinh ra sao? Đời sau thế nào?”

Theo quý vị thì vị Tỳ-kheo này sẽ sinh về nơi nào? Và thọ sinh ra sao? Đời sau thế nào? Khi tu tập một thời gian không lâu trước đó, rồi gặp Đức Phật nói là con còn thấy hối tiếc, vì con chưa đắc pháp Thượng nhân nào cả, không được tri kiến thắng diệu gì cả, mà bây giờ chết. Nhưng Đức Phật khai thị là chết được an lành rồi. Thì theo quý vị là [vị đó] đi về đâu? Nhiều người sẽ nói là đi lên cõi Trời đúng không ạ? Rồi chúng ta coi thử xem.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tỳ-kheo kia đã qua đời kia, thật sự như vậy. Nghe Ta nói pháp hiểu biết rõ ràng, ở nơi pháp không còn sợ hãi (tức là tự tin, không do dự) mà đạt được Bát-niết-bàn. Các ông hãy nên lo việc xá-lợi”.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo này là bậc nhất.

Quý vị thấy, Đức Phật nói vị này đạt được Bát-niết-bàn và hãy lo việc xá-lợi. Có nghĩa là lúc này [đã] chứng quả A-la-hán và thọ ký cho Tỳ-kheo này là được bậc nhất.

Đức Phật nói kinh này xong. Các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

(Kinh 929. Tật Bệnh (1) – Kinh Tạp A Hàm) (tương đương với một bản kinh trong Kinh Pali).

Ở đây, chúng ta thấy rõ ràng một điều không ngờ, là đến lúc mạng chung, chỉ được Phật khai thị một chút thôi, [xong] Đức Phật ra đi (tức là Đức Phật

cũng không đợi vị đó chết mà Đức Phật đi trước) rồi vị đó chết. Xong là mọi người hỏi Đức Phật vị đó sanh về đâu? Mình cứ tưởng được sanh về cõi Trời. Nhưng không phải! Vị đó chứng luôn A-la-hán lúc mạng chung rồi, trước lúc mạng chung chứng A-la-hán.

Cho nên quan trọng, Đức Phật có nói mấy điều: Nếu ai tu được như vậy, tu như thế thì ở đời này [mà] không chứng được thì đến lúc mạng chung sẽ chứng. Lúc mạng chung không chứng thì sanh về cõi kia rồi chứng. Sanh về cõi kia không chứng thì lại gieo nhân để gặp Đức Phật sau, gặp Đức Phật khác [thì sẽ] chứng. Chúng ta thấy những điều này là quan trọng, đến lúc cuối cùng mình buông được [là thành công]. Mà thường lúc chết dễ buông lắm.

Cho nên ráng nghe đi quý vị, nghe những điều này, nghe tới nghe lui, nghe một hồi đến lúc nào đó mình sẽ thấm nhập và đến lúc mình buông xuống là thành công. Bây giờ chưa buông, chết sẽ buông. Thông thường trong kinh, quý vị thấy hay có: lúc chết được chứng quả, chết được sanh cõi lành. Tại sao? Vì lúc đó là lúc phải buông. Bình thường thì có nhiều thứ quá, nhiều thứ để theo đuổi, nhưng đến lúc đó là thôi, không theo đuổi nữa, nên là buông. Nhớ! Cho nên là ráng học đi, học để lúc ra đi [được như vậy].

Vị Tỳ-kheo này từ không có chứng gì hết, chỉ có nghe khai thị một chút thôi là chứng luôn A-la-hán đúng không ạ? Chết ngon lành, nhập Niết-Bàn luôn. Quý vị thấy đã không?

Đó là vấn đề thứ nhất. Bây giờ chúng ta vào vấn đề thứ hai, đó là: ‘Thứ Tự Công Đức Cúng Dường Cho Tập Thể’ theo Kinh Trung Bộ. Lần trước chúng ta đã học thứ tự công đức cúng dường cho cá nhân rồi, nay chúng ta tới phần cho tập thể.

Thứ Tự Công Đức Cúng Dường Cho Tập Thể

(Theo Kinh Trung Bộ Kinh)

Này Ananda, có bảy loại cúng dường cho Tăng chúng. Bối thí cho cả

hai Tăng chúng với Đức Phật là vị dẫn đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất (1).

Ở đây, hôm bữa quý vị nhớ không ạ? Chúng ta học bài kinh này, Kinh Phân Biệt Cúng Dường ở trong Kinh Trung Bộ, thì chúng ta có 14 đối tượng để cúng dường, theo thứ tự công đức hay phước đức từ nhỏ đến lớn. Đó là từ Súc sanh, là nhỏ nhất, có được 100 phần công đức thôi. Tiếp theo là [cúng dường] cho người ác giới thì được 1000 phần công đức. [Cúng dường] cho người trì giới được 100.000 ức lần đúng không? Đối tượng thứ tư là người ngoại đạo chứng Thiển, ly dục. Ly dục tức là chứng Thiển. Đối tượng thứ năm mới tới người chứng Tu-đà-hoàn hướng. Rồi càng ngày càng lên cho đến Phật. Thứ tự như vậy.

Hôm nay, mình cúng dường cho tập thể thì có 7 đối tượng. Đối tượng thứ nhất [và cũng là] công đức lớn nhất, là bổ thí cho cả hai: Tăng chúng với Đức Phật là vị dẫn đầu, là cúng dường thứ nhất. Cúng dường Tăng chúng thứ nhất tức là đứng đầu. Hồi xưa mình cúng dường cho cả Tỳ-kheo Tăng và Tỳ-kheo Ni chúng (chúng tức là số đông chứ không phải một người), rồi có Đức Phật nữa, thì đó là sự bổ thí thù thắng nhất. Điều này thì mình không có rồi. Tại vì thời nay Đức Phật đã nhập Niết-Bàn rồi, cho nên không có. Không có thì chúng ta tới loại thứ hai.

Bổ thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi Đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai (2). Đối tượng thứ hai mang lại công đức nhiều, đó là cúng dường cho Tăng chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Tức là cả Tăng đoàn Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni.

Bổ thí cho chúng Tỳ-kheo Tăng là cúng dường Tăng chúng thứ ba (3). Tức là không cúng dường cho cả hai chúng Tăng và Ni, thì cúng dường Tỳ-kheo Tăng là được phước báu công đức đứng thứ ba.

Bổ thí cho chúng Tỳ-kheo-ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư (4). Thứ tư là cúng dường cho bên Tỳ-kheo-ni thôi, mà là chúng Tỳ-kheo-ni nha, không phải là một Tỳ-kheo-ni đâu.

Bổ thí và nói rằng: "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỳ-kheo

và Tỳ-kheo-ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ năm (5). Điều này thì nhiều người không biết. Tức là khi mình đi thỉnh, nếu chúng ở đó vừa có Tăng và Ni, thì quý vị nói bây giờ con không có thể cúng dường hết cho cả Tăng Ni ở trong đây. Thiền viện hay Tu viện đó nhiều quá, con chỉ cúng dường cho 10 người, mai tới nhà con, hay là mai con sẽ đến đây để con cúng dường cho 10 người thôi, thì chọn cho con vừa Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni 10 người. Như vậy phước này là đứng thứ năm. Tức là mình có quyền thỉnh bao nhiêu người thôi, không cần thỉnh hết, nhưng mong có cả Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Như vậy Tăng chúng sẽ tự cử ra, như vậy là được phước đứng thứ năm.

Bố thí và nói rằng: "Mong rằng Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỳ-kheo như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ sáu (6). Cũng tương tự như trên, cũng thỉnh, nhưng tới đây thì mình không thỉnh hai chúng Tăng và Ni. Mình chỉ thỉnh là mai cúng dường cho [ví dụ] 7 vị tăng thôi. Chúng ở đây có ngàn vị tăng, con cũng không đủ khả năng, Tăng Ni đông quá, thôi con cúng dường 7 vị Tỳ-kheo thôi. Ngày mai tới giờ đó con sẽ cúng, hoặc là thỉnh tới nhà con để cúng dường. Cúng dường Trai tăng kiểu đó thì mang lại công đức bố thí cúng dường đứng thứ sáu.

Còn thứ bảy thì tất nhiên là chúng Tỳ-kheo-ni:

Bố thí và nói rằng: "Mong rằng Tăng chúng chỉ định cho một số Tỳ-kheo-ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ bảy (7). Cũng tương tự như thế, có thể mời một số Tỳ-kheo-ni. Tức là mình không có mời chỉ định, mà mình chỉ nói là: Ngày mai hoặc ngày mốt, mong là Tăng chúng hãy cử cho con [ví dụ] 6 cô Tỳ-kheo-ni tới nhà con để nhận cúng dường Trai tăng, chẳng hạn như thế. Thì phước đức đứng thứ bảy. Quý vị thấy Tỳ-kheo-ni vẫn thua Tỳ-kheo Tăng một chút nha.

Nhưng này Ananda, trong thời gian tương lai sẽ có những hạng chuyển tánh (gotrabhuno), với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ, theo ác giới, ác pháp, và cuộc bố thí đối với chúng Tăng theo ác giới. Nhưng này Ananda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ananda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một

sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

Ở đây Đức Phật có nói, quý vị để ý, là trong tương lai có những người hạng chuyển tánh; chuyển tánh này mình cứ tưởng chuyển tánh là thành Thánh nhân, nhưng Đức Phật nói chuyển tánh ở đây là chuyển thành tánh ác. ‘Với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ’, tức là họ quần được áo cà-sa trên cổ thôi, chứ không có nhiều. Với mỗi chiếc áo cà-sa trên cổ thôi, tức là giống như bây giờ đeo có mỗi sợi dây vô đó. Mà theo ác giới, ác pháp nữa, thì cuộc bố thí đó ra sao? Bố thí cho Tăng chúng theo ác giới như vậy vẫn có được công đức nha, cúng dường vẫn được vô số và vô lượng công đức. Đoạn này ngài Minh Châu dịch không rõ văn lắm, cho nên hơi khó hiểu. Nhưng đại ý, tương lai là chúng Tăng, mình nói là chúng Tăng nhưng thật ra là chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, sau này có những người theo ác giới, ác pháp, chỉ còn quần được mỗi tấm y trên cổ thôi (tức là mảnh y thôi, chứ không phải quần đủ nữa), mà cúng dường cho họ thì vẫn có vô số, vô lượng phước.

Cho nên quý vị thấy không? Đừng có khinh thường! Đó là biểu tượng, biểu trưng của Phật giáo, những người đó vẫn mang lại phước. Mình không học kinh [nên] mình không biết. Cho nên từ đây, mà trong kinh Đại thừa, trong ba bộ của Địa Tạng Thập Luân nói là: Còn quần một mảnh y trên cổ áo thôi, mà cũng có phước vô lượng là vậy đó. Cúng cho người đó vẫn có phước, tại vì sao? Vì lý do [họ] là đại biểu trưng cho Phật giáo. Cho nên quý vị thấy, đó là một điều mà mình cũng không ngờ đúng không ạ? Cúng cho chúng nha, chúng chứ không phải một người, chúng là số đông.

(Trích từ - 142. Kinh Phân biệt cúng dường (Dakkhina-vibhanga sutta) - Kinh Trung Bộ).

Như vậy Thiện Trang tóm tắt lại như sau:

**Thứ tự công đức cúng dường cho tập thể từ nhỏ đến lớn
(Theo Kinh Phân Biệt Cúng Dường trong Kinh Trung Bộ)**

Thứ tự công đức	Đối tượng cúng dường
1	Một số Tỷ-kheo-ni được Tăng chúng chỉ định
2	Một số Tỷ-kheo được Tăng chúng chỉ định
3	Một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni được Tăng chúng chỉ định
4	Chúng Tỷ-kheo-ni
5	Chúng Tỷ-kheo Tăng
6	2 Tăng ni chúng, sau khi Đức Phật đã nhập diệt
7	2 Tăng ni chúng với Đức Phật là vị dẫn đầu.

Hôm bữa là chúng ta đã xếp từ nhỏ đến lớn, cho nên bữa nay cũng xếp lại công đức từ nhỏ đến lớn. Chứ Đức Phật nói trên này là từ lớn đến nhỏ.

1. Công đức nhỏ nhất là cúng dường cho một số Tỷ-kheo-ni được Tăng chúng chỉ định. Tức là mình thỉnh rồi, là Tỷ-kheo-ni thôi.

2. Một số Tỷ-kheo Tăng được Tăng chúng chỉ định. Tức là mình thỉnh một số thôi, khi thỉnh không có chỉ trực tiếp ai, nhưng nhờ Tăng chúng chỉ định giùm.

3. Một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni được Tăng chúng chỉ định. Cũng tương tự như vậy, mình thỉnh vừa Tăng vừa Ni, bao nhiêu người đó.

4. Chúng Tỷ-kheo-ni.

5. Chúng Tỷ-kheo Tăng.

6. Hai chúng Tăng, Ni sau khi Đức Phật đã nhập diệt.

7. Công đức lớn nhất là hai chúng Tăng, Ni với Đức Phật còn tại thế và Đức Phật dẫn đầu.

Chúng ta thấy đây là bảy công đức cúng dường. Cho nên đừng có nghĩ là cúng dường những người thời nay không có phước. Quý cúng dường cho Tăng vẫn có phước nha. Đừng có lo! Nhiều người hối hận, học riết rồi thấy tu không [được]. Quý vị thấy ngay cả cúng dường cho ngoại đạo cũng có phước nữa mà, lo gì!

Đó là vấn đề thứ hai [mà] chúng ta đã học, cũng nên biết một chút. Vấn đề thứ ba, thỉnh thoảng cũng xin giới thiệu cho quý vị niềm vui, lợi ích của việc chứng quả. Hôm nay giới thiệu:

6 Lợi Ích Khi Chứng Quả Dự Lưu (Quả Tu-đà-hoàn)

(Theo Kinh Tăng Chi Bộ)

- Có sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là sáu? (Tức là khi mình chứng quả Tu-đà-hoàn thì mình có được 6 điều lợi ích. Ai chứng quả Tu-đà-hoàn thì có 6 lợi ích. 6 lợi ích đó là gì?)

(1) Sự quyết định đối với diệu pháp không có bị thoái hạ;

(2) Không có bị đau khổ;

(3) Làm các việc bị sanh tử hạn chế;

(4) Thành tựu trí tuệ;

(5) Không cùng chia sẻ với các dị sanh;

(6) Nguyên nhân và các pháp do nhân sanh được khéo thấy.

Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu.

((6.97) Các Lợi Ích: Ānisaṃsa – Kinh Tăng Chi Bộ).

(Đây là kinh ở phẩm Sáu pháp).

Ở đây, chúng ta đọc ngang qua thì quý vị chắc cũng khó hiểu. Thật ra trong các bản dịch của ngài Minh Châu có nhiều chỗ không rõ lắm, ngài dùng từ khó hiểu, nhưng chúng ta cứ từ từ đọc kỹ lại thì cũng hiểu thôi. Cứ từ từ, bình tĩnh! Đây là do ngôn ngữ thôi. Khi chứng ngộ quả Dự lưu (tức là quả Tu-đà-hoàn) thì chúng ta có được 6 lợi ích:

1. Sự quyết định đối với diệu pháp không có bị thoái hạ: Sự quyết định này, tức là mình có niềm tin. Có niềm tin đối với pháp là không còn bị thoái

chuyển nữa. Tức là đạt được bốn bất hoại tịnh: Bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, bất hoại tịnh đối với Tăng và bất hoại tịnh đối với Thánh giới. Nói cách khác, người đó có lòng tin bất động đối với Tam Bảo. Nói vậy cho đơn giản! Thì không bao giờ thoái chuyển nữa, không còn bị thoái đạo hay thoái chuyển đối với diệu pháp. Cho nên do từ [ngữ] thôi ha. Thật ra có thể sửa lại rõ hơn, nhưng vì ngài Minh Châu dịch sát chữ quá, cho nên khó hiểu.

2. Không có bị đau khổ: Điều này thì dễ hiểu! Chứng Tu-đà-hoàn, thứ nhất là do mình đã phá Thân kiến, cho nên sự đau khổ của mình nhẹ nhàng hơn người ta. Quý vị mà đau là khổ lắm, vì chấp thân mà. Vì chấp thân cho nên chấp gia đình, chấp sự nghiệp, chấp đủ thứ tài sản, chấp gì đó... cho nên cái gì mất là khổ, đến chết cũng khổ. Còn nếu chứng Tu-đà-hoàn [thì] phá Thân kiến rồi, nên không khổ nữa. Đó là thoát được điều thứ nhất.

Điều thứ hai, không bị khổ nữa tức là không bị đọa vào ba đường ác: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh nữa. Cho nên là không không phải bị khổ luân hồi kinh khủng như những chúng sanh khác.

3. Làm các việc bị sanh tử hạn chế: tức là tối đa sanh tử nhiều nhất là bảy đời, không có tái sanh đến lần thứ tám. Dù cỡ nào cỡ, tối đa chỉ bảy đời thôi. Cho nên Tu-đà-hoàn sướng lắm.

Và ở đây nói được thêm, thật ra khi người ta không đau khổ vì người ta cũng biết là mình không bị thoái đạo. Quý vị biết nỗi đau trong sanh tử, đối với người đã biết được Phật pháp thì sợ nhất là luân hồi, mình chết rồi đời sau mình đi về đâu? Tất nhiên mình tu thì mình cũng nghĩ là đời sau mình có thể ở cõi Trời, cõi Người được. Nhưng rồi đời sau nữa, đời sau nào đó nữa thì mình lỡ đọa làm Súc sanh, làm một con heo cho người ta ăn thịt thì quá là đau khổ. Làm một con bò để đi làm ruộng, con trâu thì khổ lắm. Chưa nói làm những loài như con gì nhỏ nhỏ, con nghêu, con sò thì khổ lắm, con trùng, con dế, rồi những loài sống ở dưới đất trong sinh lầy dơ bẩn. Đó là mới Súc sanh thôi đó, còn Ngạ quỷ thì mình nghe trong kinh tả khổ lắm. Còn Địa ngục thì mình không thấy, nhưng mình tưởng tượng ngày nào cũng [bị] đâm. Trong kinh Đức Phật nói, người tội nhân mỗi ngày vào buổi sáng bị đâm 100 ngọn giáo, đâm cho nát thân, buổi trưa

cũng vậy, buổi chiều cũng vậy. Sáng, trưa, chiều, mỗi ngày bị đâm 100 [ngọn giáo], 3 lần như vậy là 300 ngọn giáo. Thì nỗi khổ đó chưa là gì với nỗi khổ trong Địa ngục. Nghe như vậy thì chúng ta mới sợ. Nhưng nếu quý vị là người chứng Tu-đà-hoàn, quý vị tự biết mình không còn đọa đường ác nữa, thì quý vị không còn khổ nữa, nên niềm vui ghê lắm, vui dữ lắm. Quý vị chứng Tu-đà-hoàn thì quý vị vui lắm.

Cho nên ráng đi ha! Con đường vào Tu-đà-hoàn dễ chứ đâu có khó. Học pháp, nhớ, phải có thực hành Thiền định, phải có học pháp. Thiền định ở đây có Thiền chỉ và Thiền quán. Thiền chỉ thì chúng ta có 40 đề mục tu Thiền chỉ, quý vị cố gắng tu, tu được nhiều thì tốt. Không thì ít nhất mỗi ngày bỏ ra, thỉnh thoảng có thời gian thì bỏ ra 5 phút thực tập Thiền chỉ, thực tập một chút 5 phút thôi. Ví dụ như đang đi xe buýt hoặc là ngồi chờ, thì hít vào đếm 1, thở ra vừa xong đếm 1; hít vào đếm 2, thở ra đếm 2; cứ từ 1 đến 10 như vậy. Rồi cứ thế đi vòng vòng, đi tới rồi đi lui, cứ đếm 1 tới 10, 1 tới 10. Làm như vậy 5 phút thôi là người khỏe rồi, đỡ phiền não bao nhiêu.

Đó là môn Thiền chỉ và cũng là Thiền quán. Rồi mình quán Vô thường, quán Vô ngã, quán tất cả đều không phải ta. Nếu ai thực hành như thế là tốt lắm rồi. Và nghe pháp mỗi ngày để hiểu rằng đời là vô thường, đời là khổ, tất cả không phải là ta. Nhớ: không có gì liên quan đến mình. Cho nên khi quý vị tu được như vậy, bất ngờ một ngày nào đó đâu biết được, quý vị đang đi con đường Tùy tín hành mà, ngày nào đó đủ nhân đủ duyên là quý vị vào Tu-đà-hoàn, thì quý vị sướng lắm, không phải lo lắng nữa. Bởi vì quý vị tự biết mà, trí của Tu-đà-hoàn, Đức Phật nói là tự biết. Cho nên từ đó trở đi mình yên tâm. Còn chưa [chứng] thì sợ, giống như vị Tỳ-kheo hồi nãy chưa chứng thì sợ.

Cho nên các việc làm sanh tử bị hạn chế, ở đây ý nói là không thể nào đọa trong đường sanh tử nữa, tối đa chỉ cần bảy đời ở cõi Người, cõi Trời thôi. Tối đa thôi, chứ nếu ai tu tốt thì có thể chấm dứt ngay trong đời đó, tùy người, tùy hạnh. Khi mình chứng được Tu-đà-hoàn, là 'dĩ kiến đạo tích', tức là đã thấy được con đường đạo rồi, cho nên người đó thích thì đi nhanh, không thích thì đi chậm. Người đó đã bước vào con đường đạo rồi, quý vị hiểu không? Quả Tu-đà-hoàn

còn gọi là Dự lưu hay Nhập lưu, là giống như nước đã ra tới sông rồi, từ sông chỉ có trôi ra biển thôi, không thể nào ở giữa dòng. Còn ở trong khe, trong rạch thì có thể không chảy ra sông được, nhưng tới sông rồi thì trôi thôi, giống như tìm được lối ra rồi. Và ta không phải tìm được lối ra rồi, mà ta đã bước vào lối ra đó rồi, thì không có lý do nào nữa. Cho nên việc sanh tử chắc chắn tối đa bảy đời là xong hết, cho nên lúc đó quý vị yên tâm nha. Ráng tu!

Sơ quả Tu-đà-hoàn thật sự nói với quý vị là không khó, ráng tu tập, không khó. Quý vị phải có niềm tin, quý vị phải tu cho đúng. Niềm tin là một chuyện, nhưng quan trọng là tu đúng. Tu đúng ở đây là phải có Thiền chỉ và Thiền quán để trợ sanh cho tâm mình sáng suốt, tâm mình vững mạnh, không bị Phiền não chi phối. Tại sao vậy? Bởi vì nếu không tu Thiền chỉ để bị Phiền não, quý vị thấy có những người thiếu tu Thiền chỉ, chỉ thuần tu Thiền quán, thì họ dễ bị nổi sân, dễ bị si mê bởi cuộc đời. Cuộc đời có chuyện gì một cái là họ chịu không nổi, đó là tại vì họ không có Thiền chỉ để chống lại Phiền não.

Thiền quán là gì? Thiền quán là để sáng suốt, rõ biết, tỉnh giác, lúc nào cũng rõ biết, đặc biệt như vậy. Hai yếu tố đó kết hợp với sự nghe pháp là bừng ngộ, và huân tập theo thời gian. Một đời quý vị có thể [ban đầu] vô hơi kém chút, nhưng tu một thời gian là công phu hay căn lành của mình đủ, đủ rồi là đi trên đường Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Sau đi trên Tùy tín hành, Tùy pháp hành thêm thời gian nữa, đủ luôn rồi là vào Tu-đà-hoàn thôi. Không phải lo chuyện đó. Nếu như người nào dở quá, tệ quá nữa, thì nền tảng đó cũng đã đủ để trồng thiện căn đời sau sanh vào cõi Trời, cõi Người. Mình nói: tốt nhất là nên sanh cõi Trời để không bị mê khi cách ấ, thì sẽ tu tiếp được. Còn sanh vào cõi Người, lỡ khi [sanh] ra quên mất tiêu, thì không có duyên tu tiếp. Nhưng sanh cõi Trời thì được tu tiếp nữa, thì đời sau cũng đắc Tu-đà-hoàn ở trên cõi Trời, giống như câu chuyện Hoàng tử nhái đúng không ạ? Con nhái chết trong khi hội đang nghe pháp, bị người ta đề cây lên mà chết. Chết xong nó sanh về cõi Trời, [quay] xuống nghe pháp thì đắc Tu-đà-hoàn. Và những câu chuyện như thế rất nhiều.

Cho nên hãy cố gắng huân tập, nếu dở quá, đời này không đắc thì đời sau

mình đắc. Như Đức Phật nói: Không đắc bây giờ thì đắc lúc lâm chung, không đắc lúc lâm chung thì sanh về cõi tiếp theo sẽ đắc. Mà sanh về cõi Trời nha! Nhớ là cố gắng tu làm sao để sanh cõi Trời, chứ sanh cõi Người thì không chắc. Cõi Người, xuống rồi quên mất tiêu, rồi làm lại từ đầu, mấy chục năm tạo nghiệp, rồi tới già già mới vô học Phật thì muộn mất rồi. Học Phật lúc già thì trí kém, vào môn nào đâu đó, môn Tà đạo thì nhiều hơn môn Chánh đạo, thì không tu được, không chắc giải thoát được. Như vậy đó là việc lợi ích thứ ba.

4. Thành tựu trí tuệ: Thành tựu trí tuệ này là Kiến đế. Kiến đế tức là quý vị thấy rõ được Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, biết sự thật của khổ.

Giống như bây giờ nhiều đồng tu, mặc dù tu hành lâu năm, nghe pháp nhiều rồi, nhưng không biết sự thật của khổ, cho nên họ không buông được thế gian. Tức là thấy khổ nhưng không biết được sự thật về khổ. Thấy khổ, ờ thì khổ, rồi bi lụy trong đó. Còn người ta thấy được sự thật của khổ, người ta không bi lụy trong đó, bởi vì đời là khổ, chúng sanh luân hồi khổ, chết. Chúng sanh chết hả? Chết thì chết ở đây sanh kia.

Giống như quý vị tưởng tượng, bây giờ quý vị ra rừng cây, nhìn thấy một mớ chúng sanh, kiến bò bên này sang bên kia, xong cành cây gãy đổ xuống. [Hay] lửa cháy gì đó, chết một mớ con, hoặc là kiến rớt xuống bị con này con kia ăn thịt. Quý vị thấy chúng chết đúng không? Nhưng quý vị cũng biết rằng ngay lập tức là chúng sanh ra ở cõi khác tiếp, trong cái trứng nào đó sanh ra con kiến tiếp hay sanh ra con này con kia tiếp. Quý vị thấy chẳng có gì hết, chết cũng là chết thôi. Người chứng Tu-đà-hoàn, họ thấy cảnh như vậy nên họ không có buồn thương như chúng sanh.

Và trong cuộc đời, dù có khổ thế nào họ cũng bình thường, bởi vì đó là Kiến đế. Kiến được một đế là Khổ đế, rồi kiến được thứ hai là Tập đế, là nguyên nhân của khổ, họ biết khổ là vì đâu. Khổ vì Phiền não, vì Vô minh là chính, hay là Tham, Sân, Si, nói chung 10 Kiết sử. Còn có [Kiết sử] đó là còn khổ, còn có thân là khổ v.v... Mà tại sao có thân? Tại vì mình còn có ái, còn có ái nên có thủ, có thủ nên mới có hữu, hữu có sanh, sanh thì duyên ra khổ, bệnh đau, chết, lo lắng, ưu não, bao nhiêu cái khổ (từ vòng 12 Nhân duyên).

Cho nên thành tựu trí tuệ, ít nhất họ cũng thấy được Tứ đế và 12 Nhân duyên tương đối rõ ràng, nói chung rất rõ ràng. Họ chưa làm được rốt ráo thôi, nhưng họ chống được cái đó và họ cũng biết được đây là pháp của Phật, đây không phải là pháp của Phật. Họ biết rất rõ con đường để đi đến chánh Thánh đạo, con đường giải thoát. Cho nên đó là thành tựu trí tuệ. Hay lắm!

5. Không cùng chia sẻ với các dị sanh: #chia sẻ tức là đi chung; [nghĩa] là không đi chung với các dị sanh. #Dị sanh là các chúng sanh còn luân hồi. Tức là từ đây là quý vị vô dòng Thánh rồi, thì không đi chung với những chúng sanh luân hồi nữa. Đời sau mình còn ở cõi Người, cõi Trời, còn họ đọa đi đâu, đâu biết. Kiểu vậy đó, quý vị hiểu không? Tối đa bảy lần trong sanh tử thôi. Cho nên là hết rồi, không đi chung với nhau nữa đâu, bye bye, tạm biệt, kiểu vậy đó. Tạm biệt nhau, anh em tuy là yêu thương nhau lắm, nhưng anh chứng Tu-đà-hoàn, em không chứng Tu-đà-hoàn thì chúng ta cũng bái bai nhau luôn. Nhớ kiểu đó! Bởi vì vô luân hồi nữa rồi, không biết [đi đâu]; còn người này thì hết rồi, trước sau gì cũng hết, tu nhanh thì một đời hết, còn không thì bảy đời.

6. Nguyên nhân và các pháp do nhân sanh được khéo thấy: tức là các pháp do vì sao mà sanh? Hồi xưa mình học, quý vị sẽ không hiểu được tại đâu sanh [ra], đúng không ạ? Ví dụ như Thiện Trang hỏi: “Chúng sanh từ đâu đến?” Quý vị trả lời không được. Nhưng người chứng Tu-đà-hoàn thì họ biết các pháp do từ đâu sanh tới, họ thấy. Ví dụ ‘các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt’ thôi, đúng không? Chúng ta nghe như vậy. Hồi xưa nghe như vậy nhưng mình không hiểu. Cho nên ngài Tỳ-kheo Mã Thắng nói bốn câu kệ thôi:

“Các pháp tùng duyên sanh (Các pháp do duyên sanh)

Cũng do duyên mà diệt,

Thầy tôi là Đức Phật,

Thường giảng thuyết như vậy”.

Chỉ có thể thôi mà ngài Xá-lợi-phất nghe, ngài chứng Tu-đà-hoàn. Bởi vì vấn đề rốt ráo không ai điểm cho ngài Xá-lợi-phất là chỗ đó, bây giờ ai điểm một cái là thấy. Còn mình nghe qua là mình thấy, lúc mà chứng Tu-đà-hoàn quý vị

tự biết. Cho nên hỏi ra các pháp từ đâu? Là các pháp do duyên sanh duyên diệt. Nguyên nhân như thế nào? Do duyên sanh duyên diệt. Với người từ đâu có? Cũng do duyên sanh duyên diệt. Mà do duyên gì? Do Vô minh, từ dòng Vô minh. Nói chung là do Phiền não, còn Phiền não, còn chấp ái, chấp thủ. ‘Ái tận tức Niết-Bàn’, cho nên muốn đắc Niết-Bàn thì phải hết duyên của Phiền não, hết duyên của luân hồi, đó là ái, hết ái. Cắt được ái, cắt được Vô minh, cắt chỗ nào cũng được, cắt vòng 12 Nhân duyên là xong.

Cho nên khi chứng Tu-đà-hoàn thì người ta thấy hết các pháp là do duyên sanh. Duyên gì? Chứ không phải mình nói câu ‘các pháp do duyên sanh’ là xong. Chưa! Phải hiểu là duyên gì. Bây giờ quý vị thấy được như thế đó. Cho nên Tu-đà-hoàn là ghê lắm, đừng đùa! Mình cứ tưởng Tu-đà-hoàn không ghê, nhưng thật ra Tu-đà-hoàn thì ghê gớm rồi. Tuy là tu thì dễ, nhưng đắc Tu-đà-hoàn lợi ích lớn lắm. Tuy không có ghê gớm như A-la-hán được, không bằng Phật được, so ra thì chưa ăn thua. Nhưng quý vị nên nhớ, Đức Phật nói là Phiền não đoạn được nhiều lắm, như núi Tu Di mà còn lại bảy viên đá trên núi Tu Di thôi; giống như nước biển lớn mà cạn hết rồi, còn lại ít nước thôi, còn một chút thôi, không có nhiều.

Cho nên sáu lợi ích này rất đáng lưu ý nha. Nhớ! Điều này cũng là để mình biết mình chứng Tu-đà-hoàn. Thật ra chứng Tu-đà-hoàn là quý vị tự biết, trí của quý vị biết. Chứ còn nếu quý vị đi hỏi Thiện Trang là ‘con chứng Tu-đà-hoàn chưa?’ Thì thôi, thua luôn.

Rồi 12 Nhân duyên, có người hôm bữa hỏi Thiện Trang sao khó vậy? Thật ra tại vì quý vị chưa chứng nên thấy khó, chứ chứng rồi thì dễ ợt à. 12 Nhân duyên là gì? Thật ra nhân duyên quá khứ gồm có Vô minh duyên Hành. Duyên là điều kiện, nói ngôn ngữ bây giờ là điều kiện. Do có Vô minh (là điều kiện) mà sanh ra Hành. Hành tức là nghiệp, gồm ba nghiệp: Nghiệp của thân, nghiệp của khẩu, nghiệp của ý. Nói đơn giản là nghiệp. Rồi từ có Hành nên có Thức (Thức là sự biết). Rồi từ Thức nên mới có thân thể và tinh thần [là] Danh sắc. Danh là tinh thần: Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Thức có trước rồi sau đó mới [có] Thọ, Tưởng, Hành. Còn Sắc là thân thể. Do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức,

Thức duyên Danh sắc; Danh sắc tức là có thân thể rồi thì mình có Sáu căn; có Sáu căn nên mới đưa thông tin từ bên ngoài vào: Tai tiếp thu âm thanh, mắt thấy hình ảnh, mũi ngửi mùi hương, rồi tương tự mấy cơ quan đó có. Cho nên Danh sắc mới sanh ra Lục nhập. Điều kiện để có sáu cửa đưa vào trong, gọi là Lục nhập. Lục nhập rồi thì tiếp xúc đúng không? Tiếp xúc với cảnh bên ngoài nên mới có cảm thọ: thấy cảnh đẹp cho nên yêu thích, cảnh không đẹp cho nên ghét, cảnh không đẹp không xấu thì bình thường, gọi là ba thọ sanh. Cho nên từ đó mới sanh Thọ. Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, từ đó mới có ái và ghét, cho nên gọi là duyên Ái. Đức Phật nói Ái, nhưng mình phải hiểu có ba cái trong đó: là có ghét, có ái, và [không ghét không ái]. Mà ghét với ái mới đáng sợ, mới luân hồi. Còn 'không ghét không ái' thì không tạo nghiệp luân hồi, nó ở giữa, trung gian.

Cho nên luân hồi chính là do ái với ghét, Đức Phật nói một cái cho dễ, là Ái. Vòng 12 Nhân duyên, Đức Phật nói Ái, nhưng thực tế là nó đi chung. Ái ngược lại là ghét, có yêu thì phải có ghét. Rồi từ Ái cho nên mới chấp thủ lấy (Thủ), còn không ái thì đẩy ra. Đức Phật nói một cái thôi, chứ thật ra vòng 12 Nhân duyên có 2 cái, nhưng nói nhiều quá chúng sanh rối, cho nên nói một cái thôi. Rồi từ Ái có Thủ thì mới có Sanh. Sanh thì có già, có bệnh có chết, có ưu bi, khổ não. Rồi quay vòng từ đó, quay tiếp tục. Ưu, bi, khổ, não thì lại sanh ra Vô minh.

Vô minh là gì? Vô minh đơn giản nhất là ngu si. Nói đơn giản là không rõ Bốn đế, không rõ 12 Nhân duyên. Vì không hiểu được Bốn đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) và không hiểu 12 Nhân duyên, không hiểu nên mình tạo tác nghiệp luân hồi. Nếu hiểu được Bốn đế hoặc hiểu được 12 Nhân duyên, tức là hiểu một trong hai cái, hiểu được cái này thì cũng hiểu cái kia. Thì tự nhiên hết được luân hồi.

Cho nên vòng đó là ba đời, từ quá khứ là Vô minh, một đời chạy tới đời hiện tại bắt đầu sanh ra, từ có thân (tức là Lục nhập, có Danh có Sắc). Rồi từ đời hiện tại bắt đầu tạo nghiệp tiếp, tạo nghiệp từ Lục nhập (thấy, tiếp xúc rồi chấp thủ v.v...) rồi bắt đầu tạo ra nghiệp tiếp là Phiền não (Phiền não là ưu, bi, khổ, não). Từ đó lại tạo ra nhân sanh tử tiếp. Cho nên cứ quay vòng trong đó, khi nào duyên hết, cắt dòng đó là hết.

Vậy cho nên hiểu rõ rồi đúng không? Vô minh, nói đơn giản là si mê. Si mê tức là không rõ Bốn đế, không rõ 12 Nhân duyên. Vì tất cả tu hành, tu tập [là] như vậy thôi. Khi nào quý vị hiểu rõ vòng 12 Nhân duyên thì tự nhiên [thấy] dễ ợt. Còn không thì thấy khó quá, học kiểu gì, nói qua nói lại cũng không hiểu, hoặc hiểu một cách mơ màng, vì mình không phải chủng tánh Duyên giác. Nhưng mình nghe được, hiểu được là xong.

Mà muốn sáng suốt được Vô minh là phải tu Tuệ quán. Tuệ quán thì mới bỏ được Vô minh. Còn tu Thiền chỉ thì đoạn tham, nên bớt ái. Cho nên tại sao có Tuệ giải thoát và Tâm giải thoát là vậy đó. Một người tu hướng về Thiền chỉ nhiều thì họ đắc được Tâm giải thoát, là họ cắt chỗ ái. Vì Tâm giải thoát cắt ái dễ. Còn người tu thiên về Thiền quán, như Tứ niệm xứ đó, quán nhiều thì họ sáng suốt được, nên họ hết vô minh, cho nên họ được Tuệ giải thoát. Còn người tu cả hai [pháp] là họ thấy luôn cả hai. Cho nên họ [đạt được] Câu giải thoát, có vậy thôi.

Vòng 12 Nhân duyên là cắt chỗ ái, cho nên ‘ái tận tức Niết-bàn’, hoặc là ‘Vô minh tận tức là sanh tử tận’, chỗ nào cũng được. Quý vị đắc hai cái thì càng tốt, Tuệ giải thoát, Tâm giải thoát rồi Câu giải thoát. Còn không, đắc một cái thôi cũng cắt được dòng đó rồi. Mà cắt được dòng đó thì hết rồi. Đó! Quý vị thấy có khó gì đâu. Nếu mà hiểu ra là vậy, còn không hiểu thì khó. Tất nhiên nói thì dễ, nhưng làm là phải từ từ, huân tập đi. Nghe tới nghe lui rồi tu tập, phải có Thiền định (Thiền chỉ, Thiền quán), dần dần theo thời gian ngấm lúc nào [không biết]. Giống như mưa nhỏ từng giọt từng giọt xuống dưới mái nhà, nhà mình lợp không khéo thì [bị] dột, dột nhưng nước chưa có [rớt] xuống liền đâu, nó cứ từ từ, mục, mục, một ngày nào đó nó đổ ào xuống, nước ngập nhà.

Cũng vậy đó, nhà bị sập là do mái nhà bị dột. Nghĩa là nước tích, tích [từng chút] thôi, [một] lúc nào đó là xong. Tu tập cũng vậy, không phải một phát được liền đâu, một phát được liền là [do] căn lành của quý vị quá lớn. Còn nếu không thì từ từ, trong đời mình đủ thời gian, có vài năm tu tập đúng hướng là được.

Đó là Thiện Trang chia sẻ xong bài kinh này, sẵn nói luôn cho quý vị 12 Nhân duyên, nói thêm một lần nữa. Không nói theo kinh sách, nói vậy nhưng rõ

ràng. Còn nếu nói theo kinh sách, nhiều khi mình phải diễn giải theo ngôn ngữ nên hơi lâu.

Bây giờ giới thiệu luôn cho quý vị:

Đức Phật dạy một Pháp tu tập có thể chứng quả A-na-hàm hoặc A-la-hán ngay trong đời này

(Theo Kinh Tăng Chi Bộ)

Thiện Trang coi trong kinh, có rất nhiều pháp như vậy. Nhiều pháp có thể chứng A-na-hàm, A-la-hán ngay trong đời này. Nghe ra thì rất dễ dàng, nhưng tu được không? Chúng ta coi thử tu được không nha. Pháp này dễ nè.

- Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập làm cho sung mãn năm pháp, thì một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn. Thế nào là năm?

Bài kinh này nói Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nhưng mình nói mình cũng được, không cần nói Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đâu. Thời nay đi xuất gia, nhiều khi tu thua người tại gia đó. Người tại gia mà tu đúng cũng được, ở đây không quan trọng. ‘Tu tập làm cho sung mãn năm pháp’ tức là tu tập năm pháp cho nhiều vô, làm cho năm pháp đó mạnh, thì một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại (là ngay trong đời này) được Chánh trí (tức là được quả A-la-hán), hay nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn (tức là Tam quả A-na-hàm). Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo (1) nội tâm niệm được khéo an trú với trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp; (2) Sống quán bất tịnh trên thân; (3) Với tướng ghê tởm đối với các món ăn; (4) Với tướng không thích thú đối với tất cả thế giới; (5) Quán vô thường đối với tất cả hành.

Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp này, làm cho sung mãn năm pháp này, thì một trong hai quả sau đây được chờ

đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

(Kinh (5.122) Niệm Xứ: Satisūpaṭṭhita – Kinh Tăng Chi Bộ).

Bài kinh quá ngắn, nói tu tập rất đơn giản như vậy thôi. Quý vị thấy tu tập đơn giản lắm, không có khó gì đâu, chỉ có năm điều thôi. Chúng ta phân tích lại nha.

(1) ‘Nội tâm niệm được khéo an trú với trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp’. [Mình] làm được không? Tức là tâm mình lúc nào cũng an trú (an trụ) trong trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp. Điều này thật ra chúng ta đang học nhiều đấy mà. Quý vị thấy ‘các pháp do duyên sanh, cũng do duyên mà diệt’. Câu đó là câu tổng kết. Cứ nhớ như vậy thì cũng đỡ, nhưng còn hiểu ra là gì? Tại sao ta có ở đây? Tại sao có con mình? Quý vị có hiểu không? Đó là pháp sanh diệt đó. Con mình tại sao có? Quý vị có con, [nên] Thiện Trang nói vậy cho quý vị hiểu. Đứa con trai mình từ đâu có? Nếu quý vị đặt câu hỏi đó là công án Thiền, Thiền khai ngộ đó. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Bây giờ quý vị có con, hằng ngày thay vì quý vị niệm con, quý vị niệm rằng: “Con tôi tại sao nó có, nó từ đâu có?” Quý vị trả lời được câu hỏi đó là quý vị nắm được trí tuệ về sanh diệt các pháp một cách đơn giản. Nhiều người nói: “Nó là con con, [do] con đẻ ra”. Con mình đẻ ra là một yếu tố. Đúng! Chính xác! Là duyên mình đẻ ra, mình phải mang thai nó 10 tháng, đúng không? Nói chung phải có hai người. Không phải [chỉ] có hai người, mà còn phải có gia đình hai bên tác hợp, sinh ra tôi, sinh ra cha, sinh ra mẹ, đúng không? Rồi phải có điều kiện hai người gặp nhau, yêu đương tùm lum gì đó.... một trời duyên để hai người đến với nhau.

Như vậy, chưa xét về đứa con, mới xét về mình thôi mà đã khó như vậy rồi. Còn xét về đứa con, nó chết đâu đó, đúng lúc đó nó tới. Cho nên là có nhiều yếu tố: do duyên, do nghiệp, do một trời thứ, nên gọi là một trời duyên. Nếu quý vị hiểu được các pháp do duyên sanh là như thế. Các pháp đó, pháp nào cũng có trong đời sống của quý vị. Ví dụ quý vị cầm điện thoại lên, quý vị cũng an trú trong tâm niệm: “Cái điện thoại này cũng là pháp do duyên sanh. Do mình mong

ước có cái điện thoại này, rồi mình có ông chồng tặng tiền [để mua] hay làm việc gì đó, có dành dụm, có nhà sản xuất v.v... Nói chung mình thường thường sống trong quan niệm khác với thế gian. Tức là người thế gian khi thấy hiện tượng đó là ôm vô thôi. Còn mình thấy là pháp do duyên sanh duyên diệt, nên chẳng có gì hết, nó chỉ là do duyên sanh thôi. Khi mình hiểu như vậy đó, thì mình thấy mọi thứ bình thường.

Chớ đừng có ôm một cái, giống như đồng tu nào đó nói: “Con là do trả nợ mà đến”. Chưa chắc! Có nhiều đũa không trả [đến do trả] nợ đâu, theo các kinh Phật vì duyên mà nó tới thôi. Cho nên không có trả nợ đâu, có nhiều đũa chết, chẳng qua đúng lúc đó đủ duyên thì nó tới thôi. Cho nên có nhiều cái mình phải hiểu rõ. Điều này thì cố gắng nha! Thỉnh thoảng chịu khó suy tư dùm: “Điều này là do duyên sanh, duyên diệt”. Duyên gì? Mình phải tư duy, tư duy hoài thì quen, dần dần có Tuệ quán trong đó, Tuệ quán về sanh diệt của các pháp, tự nhiên sanh ra. Cho nên gặp chuyện gì [cũng quán] là sanh diệt hết. Quý vị có Tuệ quán thì đầu óc quý vị sáng lắm.

(2) ‘Sống quán bất tịnh trên thân’. Điều này cũng quan trọng. Tức là để mình chán bớt [thân] đi, [chứ] ham thân này quá, yêu người, yêu mình, có ngã to đùng. Đó là do không có bất tịnh quán đối với thân. Khi mình quán thân này có 32 thể trược, nó dơ bẩn (bài này mình chưa học), thì mình thấy thân này dơ quá nên mình chán thân, mình không yêu nữa, thì không có chấp ngã.

(3) ‘Với tướng ghê tởm đối với các món ăn’. Mình ăn mà mình thấy ngon quá, thì mình cố quán: “Thức ăn này không bằng thức ăn của chư Thiên đâu. Chư Thiên vẫn còn ăn là còn nặng nề về thân thể. Rồi ăn vô là đủ các độc, ở Việt Nam, quý vị biết các thức ăn độc dữ lắm đúng không ạ? Ở Việt Nam, đựng vô [thức ăn] là độc không à, ăn cái này độc, ăn cái kia độc. Cho nên mình thấy ghê tởm, mà mình nghĩ cội Trời ăn uống cũng không sướng đâu, nói chung là còn ăn là còn khổ. [Phải thấy] ghê tởm thì mình chán được nỗi khổ do ăn. Điều này không có thời gian, để khi nào giảng mấy chủ đề này cho rõ hơn, cũng là đối tượng để tu Thiền chỉ.

(4) ‘Với tướng không thích thú đối với tất cả thế giới’. Nói đơn giản là

đối với cuộc sống này, nói rộng ra là cho tới các cõi Trời v.v... mình phải chán những điều đó. Mình phải có tướng như vậy thì mới được, ở đây nói ‘tướng ghê tởm đối với các món ăn; tướng không thích thú đối với tất cả thế giới’.

(5) ‘Quán vô thường đối với tất cả hành’. #Hành tức là các pháp Hữu vi. Pháp hữu vi thì có sanh diệt, luôn luôn biến đổi, gọi là Vô thường. Tất cả đều là Vô thường. Nhớ như vậy!

Mình chỉ cần nhớ 5 điều này thôi. Tu chỉ ở trong [5 điều] này thì ngay trong đời này chứng Tam quả A-na-hàm hoặc chứng Tứ quả A-la-hán. Ai luôn tu điều này là tu Tuệ quán đó. Cho nên tu Tuệ quán đơn giản vậy thôi. Có gì khó khăn đâu, có nhiều pháp [tu] lắm. Ai có duyên thì tu [pháp] này, còn không thì tu theo kiểu hôm bữa Thiện Trang chỉ, có năm con đường để vào Tu-đà-hoàn. Hôm nay chỉ thêm con đường thứ sáu nữa, cũng vậy thôi, nói chung rất là nhiều cách. Ai hợp món nào thì xài món đó. Thiện Trang thấy mấy món này cũng dễ xài. Mình an trú trong trí tuệ sanh diệt các pháp; quán thân bất tịnh; nhằm chán đối với thức ăn, đối với thế giới này, các cõi Trời, cõi gì đó ... không thích nữa; rồi thấy tất cả đều vô thường, cho nên là thôi, nghĩ thấy trong sanh tử chán quá. Vô thường có nghĩa là không có giữ yên, dù có làm vua trời Sắc Cứu Cánh cũng có ngày hết thọ mạng. Tất nhiên vua trời Sắc Cứu Cánh là ngon rồi, Tam quả A-na-hàm mà. Thôi mình nói vua trời ở cõi nào đó rồi cũng hết [thọ mạng], cuối cùng thế giới cũng hoại diệt, cho nên là tu như ông Uất Đầu Lam Phất cũng có ngày rớt xuống. Cho nên mình nghĩ vậy, tất cả đều là vô thường, thế gian vô thường, đất nước vô thường, thân mạng này cũng vô thường, đời này cũng vô thường, cái điện thoại này cũng vô thường, chiếc xe cũng vô thường... Cho nên cứ [quán] như vậy là được. Tùy nha, mỗi người có mỗi duyên khác nhau.

Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp này, làm cho sung mãn năm pháp này, thì một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại, được Chánh trí, hay nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

(Kinh (5.122) Niệm Xứ: Satisūpatṭhita – Kinh Tăng Chi Bộ).

Thiện Trang tóm tắt lại có 5 cách tu theo Kinh Niệm Xứ:

Tóm tắt cách tu theo Kinh Niệm Xứ (5.122 thuộc Kinh Tăng Chi Bộ)

TT	Pháp tu	Đối trị
1	Quán sự sanh diệt của các pháp	Diệt vô minh
2	Quán thân bất tịnh	Diệt tham ái thân
3	Tưởng ghê tởm thức ăn	Diệt tham dục tinh tế
4	Tưởng không thích thú thế giới	Diệt tâm phóng dật, tìm cầu
5	Quán vô thường	Phá ngã chấp, mở cửa Niết-bàn.

1. Quán sự sanh diệt các pháp: Đối trị là diệt được Vô minh, vì đây là tu Tuệ quán.

2. Quán thân bất tịnh: Diệt được tham ái [thân].

3. Tưởng ghê tởm các thức ăn: Diệt được tham dục tinh tế, tức là bớt đi tham, thấy đồ ăn là mình ham mà. [Pháp quán thân bất tịnh] ở trên cũng diệt tham, ở đây cũng diệt tham.

4. Tưởng không thích thú thế giới: Diệt tâm phóng dật, tìm cầu. Vì mình mong cái này, mong cái kia, vật chất đó, là do mình thích thú với thế giới.

5. Quán vô thường: Để phá ngã chấp, mở cửa để vào Niết-Bàn. Quý vị cứ nhớ tu [pháp] đó.

Hôm nay Thiện Trang xin nói thế này, vì có một điều cũng phải nói, [vì] có nhiều người hiểu lầm, do học không đầy đủ, nghĩ rằng các pháp tu theo kinh Nguyên thủy chỉ đưa đến quả Duyên giác, Thanh văn thôi. Đó là một sai lầm rất lớn, quý vị nên nhớ pháp tu Nguyên thủy, ba đời chư Phật đều tu các pháp này, đó là: Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo, 37 Phẩm trợ đạo. Nhớ! Không phải là đưa đến quả Thanh văn, Duyên giác đâu. Đó là mấy nhà Đại thừa cố gắng gán ghép cho Tiểu thừa như vậy, cho nên bị hiểu nhầm.

Cho nên hôm nay Thiện Trang giới thiệu cho quý vị [cách] tu tập dẫn đến kết quả của Phật giáo, kết quả này nói chúng ta tu theo gì? Tu theo Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo và 12 Nhân duyên v.v... chứ không phải tu [pháp] gì đó cao siêu đâu nha. Tu [pháp] này đưa đến quả vị Phật, chứ không phải tu [pháp] này không đưa đến địa vị Phật.

Tổng Kết Về Sự Tu Tập Đạt Đến Kết Quả Của Phật Giáo
(Tu Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo...)

TT	Phát nguyện thành	Số Ba-la-mật cần tu	Thời gian tu	Lưu ý
1	Phật	10x3	20 đến 80 a-tăng-kỳ kiếp	Giữa chừng có thể thoái chuyển thành Thanh văn, Duyên giác
2	Duyên giác (Bích-chi-Phật)	10x2	Tối đa 2 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp	
3	Thanh văn đặc biệt	10	Tùy theo hạnh	
4	Thanh văn thường	10	Nhanh nhất 3 đời	Theo Luận Câu Xá, Tỳ-Bà-Sa...
			Chậm nhất 60 kiếp, 1 vạn kiếp	
			Nhanh nhất: Không nói rõ	Theo Nam truyền
			Chậm nhất: Nhiều kiếp (hữu hạn)	

Ở đây có 5 mục đích đến, hôm nay Thiện Trang nói luôn.

Cột thứ nhất là Thứ tự; cột thứ 2 là Phát nguyện thành Phật; cột thứ 3 là

Số Ba-la-mật cần tu; cột thứ 4 là Thời gian cần tu là bao nhiêu; và cột thứ 5 là Lưu ý.

Như vậy ai muốn phát tâm thành Phật (Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác) thì thật ra vẫn tu Tứ niệm xứ thôi. Ba đời chư Phật vẫn tu [pháp] này, trong kinh nói rồi, [tu] Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo, 12 Nhân duyên v.v... nói chung đều tu hết. Nếu quý vị muốn làm Phật thì quý vị cần tu 10×3 là 30 Ba-la-mật, tức là 10 Ba-la-mật nhân 3 cấp độ. Điều này chúng ta cũng nói rồi, chút nữa chúng ta nói lại. Thời gian tu theo trong Chú Giải v.v... thì nói là 20 đến 80 a-tăng-kỳ kiếp. Nhanh như Đức Phật Thích Ca thì 20 a-tăng-kỳ. Còn lâu thì là 80 a-tăng-kỳ kiếp (bài này chúng ta đã học lúc đầu rồi). Tùy theo chủng tánh: Người đức tin, người trí tuệ, người tinh tấn, có 3 chủng tánh đó mà ra như vậy. Và thời gian mới nói đó là tương đối, chứ không phải cố định như vậy.

Và lưu ý là giữa chừng có thể thoái chuyển thành Thanh văn và Duyên giác, có nghĩa là hành Bồ-tát hạnh lâu quá, khó quá, cuối cùng thoái chuyển giữa đường. Cho nên chưa được Đức Phật nào thọ ký, là có thể thoái chuyển xuống Thanh văn, Duyên giác là bình thường.

Nếu quý vị không phát tâm thành Phật, quý vị thấy đường tu thành Phật xa quá, quý vị thích kiểu tu một mình, không cần ai hết, cũng chẳng cần ai làm thầy. Có nhiều người có tính như vậy đó, thì đi con đường phát nguyện làm Duyên giác (Bích-chi-phật) thì quý vị tu 20 Ba-la-mật (tức là 10 Ba-la-mật nhân 2 cấp độ). Quý vị tu tối đa là 2 a-tăng-kỳ cộng 100.000 Đại kiếp thì quý vị cũng thành Duyên giác. Đó là tối đa, có thể đi nhanh hơn, duyên thuận lợi [thì] đi nhanh hơn. [Phát nguyện thành] Duyên giác là như vậy. Do phát nguyện thôi nha, điều này là do nguyện. Chứ không phải là tu khác nhau, vẫn tu [bao] nhiêu đó nhưng do nguyện khác nhau.

Hạng người thứ ba là làm Thanh văn nhưng đặc biệt, giống như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, ngài Ma-ha Ca-diếp, A-nan, những ngài đó là Thanh văn đặc biệt thì tu 10 Ba-la-mật theo 1 cấp độ thôi. Thời gian tu thì tùy theo hạnh đó như thế nào sẽ đạt được Thanh văn đặc biệt (chút nữa sẽ giới thiệu).

Còn mình thấy ngán quá, con muốn ra khỏi sanh tử cho sớm, thì hạng thứ

tư là làm Thanh văn thường thôi, thì cũng tu 10 Ba-la-mật. Thời gian tu theo Luận Câu Xá hay Luận Tỳ Bà Sa v.v...(của Nhất Thiết Hữu Bộ), thì thời gian nhanh nhất chỉ cần ba đời thôi, không cần lâu. Ba đời là gì? Một đời trồng căn lành, đời giữa chứng quả nhỏ tức là Tu-đà-hoàn, đời thứ ba chứng A-la-hán. Ba đời. Tức là ai nhanh nhất để đắc A-la-hán giải thoát sanh tử là [tu] ba đời. Và điều này không chỉ Luận Câu Xá, [mà] Luận Tỳ Bà Sa hay nhiều bộ luận nói là [tu] ba đời thôi. Một đời đầu tiên là trồng căn lành trong Phật pháp, đời đó quý vị đặt niềm tin, quý vị cúng dường, quý vị tu gì đó sơ sơ. Hoặc là đời này mình ráng tu rồi đời sau mình sẽ gặp một duyên tốt nữa, thì mình chứng Tu-đà-hoàn. Rồi đời thứ ba mình chứng luôn A-la-hán. Đó là nhanh nhất ba đời ra khỏi sanh tử.

Và cũng theo nhưng bộ luận đó nói chậm nhất là 60 kiếp, có bộ luận nói 10.000 kiếp (1 vạn kiếp cho dễ nhớ) là quý vị cũng có thể chứng A-la-hán. Nếu theo thông tin này, chậm nhất tối đa quý vị luân hồi cũng 60 kiếp thôi (60 Đại kiếp, là 60 lần Trái đất này sanh diệt). Đó là theo Bắc truyền. Nếu theo Nam truyền, nhanh nhất thì không nói rõ là bao nhiêu, nhưng chậm nhất là nhiều kiếp, hữu hạn. Theo Thiện Trang thì hữu hạn có lẽ không tới 100.000 Đại kiếp đâu, bởi vì ngài A-nan phát nguyện lớn như vậy mà tu cũng chỉ có tới 100.000 Đại kiếp thôi. Cho nên không có ai hơn nữa. Như vậy chúng ta hiểu [rồi] nha.

Nếu như ai muốn [phát nguyện thành] Thanh văn thường là đi theo [đường] này, nhanh nhất là ba đời. Phát nguyện nhanh đi, hên gặp duyên tốt là ba đời thôi. Còn không thì cứ quẩn quẩn, tại vì tu không có vào Chánh đạo. Giống như đời quá khứ mình đã trồng căn lành rồi, nhưng đời thứ hai mình có gặp Chánh đạo đâu, gặp Tà sư. Nếu gặp Phật thì ngon rồi, đắc Tu-đà-hoàn liền. Mà không gặp được Phật, không gặp được vị A-la-hán nào chỉ đường đúng, đi vòng vòng cho nên mất thời gian lâu, chứ còn không là nhanh. Cho nên khái niệm ba đời là từ trong đó.

Ở đây, Thiện Trang xin giới thiệu vài ví dụ điển hình. [Bảng này gồm các cột]: Ngài đặc biệt; Phát nguyện; Được thọ ký thời Đức Phật nào; và Thời gian tu.

Ví dụ điển hình			
Ngài đặc biệt	Phát nguyện	Được thọ ký thời Đức Phật	Thời gian tu
Xá-lợi-phất	Trí tuệ đệ nhất	Vô Lượng Kiến Phật (Anomadassī)	1 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp
Mục-kiền-liên	Thần thông đệ nhất	Vô Lượng Kiến Phật (Anomadassī)	1 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp
Ma-ha Ca-diếp	Đầu-đà đệ nhất	Liên Hoa Thượng Phật (Padumuttara)	1 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp
A-nan	Đa văn đệ nhất	Liên Hoa Thượng Phật (Padumuttara)	100.000 đại kiếp
Liên Hoa Sắc (Uppalavaṇṇā)	Thần thông đệ nhất	Liên Hoa Thượng Phật (Padumuttara)	1 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp

Ở đây chúng ta giới thiệu có ngài Xá-lợi-phất là Trí tuệ đệ nhất trong hàng Thanh văn. Đây là một phát nguyện đặc biệt đúng không ạ? Chúng ta thấy thời gian tu của ngài là 1 a-tăng-kỳ cộng 100.000 Đại kiếp.

***Ghi chú: 1 a-tăng-kỳ là con số rất lớn, thường dùng là 10^{140} (1 và 140 số 0 đứng sau), đây là biểu trưng cho thời gian rất dài vì thời gian 1 Đại kiếp cũng không cố định.**

Nhớ! Thời gian một Đại kiếp cũng không cố định đâu. Tại vì thời gian mà Trái đất sanh ra rồi diệt đi là tùy theo nghiệp chúng sanh, với hành nghiệp trên thế gian này tạo tác thế nào mà nó mau diệt hay là lâu diệt.

Ở đây, chúng ta thấy ngài Xá-lợi-phất tu mất thời gian là 1 a-tăng-kỳ kiếp + 100.000 Đại kiếp, thì ngài được thọ ký vào thời Đức Phật Vô Lượng Kiến Phật. Chữ này (Anomadassī) là chữ Pali, nghĩa là Vô Lượng Kiến Phật.

Cùng thời đó, ngài Mục Kiền Liên cũng được thọ ký luôn. Và hai ngài này đều tu là 1 a-tăng-kỳ + 100.000 đại kiếp (nói số chẵn thôi, không nói số lẻ) là được Thần thông đệ nhất và Trí tuệ đệ nhất.

Ngài Ma-ha Ca-diếp và ngài A-nan được thọ ký vào thời Đức Phật Liên Hoa

Thượng (Padumuttara). Ngài Ma-ha Ca-diếp tu cũng 1 a-tăng-kỳ + 100.000 Đại kiếp, tại vì hạnh Đầu-đà đệ nhất này tu lâu như vậy đó. Còn ngài A-nan vì tu hạnh Đa văn đệ nhất là chỉ cần nhớ cho tốt thôi, thì chỉ cần tu 100.000 Đại kiếp là được rồi. Ngài cũng được thọ ký vào thời Đức Phật Liên Hoa Thượng (Padumuttara) luôn.

Còn cô Liên Hoa Sắc (Uppalavannā) là Thần thông đệ nhất ở bên Ni, thì cũng tu 1 a-tăng-kỳ + 100.000 ngàn Đại kiếp đó quý vị, và cũng được thọ ký trong thời Đức Phật Liên Hoa Thượng (có chỗ hình như ghi là Trắng Liên Hoa hay sao đó). Chúng ta thấy đây là những [ví dụ] điển hình nha. Thiện Trang cố gắng lấy một cô Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc ở đây để quý vị thấy nữ cũng được an ủi, cũng có người giỏi như vậy.

Quý vị thấy là tu như vậy rất rõ ràng đúng không ạ? Cho nên là mình đang phát nguyện như thế nào? Quý vị muốn phát nguyện thành Phật, phát nguyện Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cứ phát nguyện. Ráng tu đi, không biết bao nhiêu thời gian nữa cũng sẽ thành thôi, đến lúc nào đó sẽ thành. Còn nếu không thì mình phát nguyện [sớm đắc đạo]... Nhưng nói phát nguyện cũng chưa chắc, bao giờ Đức Phật thọ ký thì mình mới không thoái chuyển đạo Vô thượng Bồ-đề. Tức là lúc đó gọi là Sơ trụ Bồ-tát, nói theo ngôn ngữ Đại thừa. Chứ còn không thì tu đến khi thành Phật thôi thì mới đắc đạo. Có một quả vị Vô thượng Bồ-đề thôi. Còn quả vị Bồ-tát ở giữa là bên Đại thừa nói, chứ không có nha. Không có! Bồ xứ Bồ-tát vẫn là phàm phu, theo trong Kinh A Hàm, chúng ta thấy rõ ràng.

Và thật ra trong kinh Đại thừa, Tiểu thừa gì cũng thấy Đức Phật Thích Ca, ngài tu đến sắp thành Phật rồi, Ngài vẫn bình thường. Quý vị thấy, trong Kinh Trung Bộ, bài kinh thứ 81, thời Đức Phật Ca Diếp (Kassapa), quý vị thấy ngài là bạn của vị Tam quả A-na-hàm giữ giới ghê gớm, mà có ngôi nhà không mưa đó, quý vị nhớ không ạ? Có vị đó giữ giới đến mức độ làm ngôi mà không chịu đào đất, phải đợi chuột hay con gì đào hay người khác đào thì mới lấy đất đó. Tùy kinh, trong Kinh A Hàm thì nói là người khác đào dư rồi ngài lấy. Còn Kinh Trung Bộ thì nói là đợi chuột hay con gì đào đất sét lên rồi ngài mới lấy, tu cỡ đó. Mà

quý vị thấy, khi gặp Đức Phật Ca Diếp, vị bạn của tiền thân Đức Phật Thích Ca đó, quý vị thấy phải nói đến tám lần, nói là đi gặp Đức Phật Ca Diếp đi, mà tiền thân của Đức Phật Thích Ca không chịu đi. [Ngài] nói đi gặp ông Sa-môn trọc đầu đó làm gì. Nói tám lần, đến lần thứ tám, cuối cùng vị kia phải nắm tóc kéo thì lúc đó mới thấy bạn mình sao mà thiết tha như vậy, chắc là rất đặc biệt cho nên mới đi, mới vô rồi xuất gia với Đức Phật Ca Diếp.

Có nghĩa là gì? Tới gần rồi, Đức Phật Ca Diếp là trong thời Hiền kiếp này, sau Phật Ca Diếp là Phật Thích Ca, mà tiền thân của Đức Phật Thích Ca vẫn còn mê, vẫn còn phỉ báng Đức Phật Ca Diếp là ông Sa-môn trọc đầu. Quý vị nhớ không ạ? Quý vị coi kinh đi, Kinh Trung Bộ, kinh thứ 81, kinh ngắn lắm, mở ra coi. Cho nên ở trong Chú Giải mới nói là do quả báo đó mà sau này Ngài cũng bị quả báo phỉ báng Phật, [bị] nói là Sa-môn trọc đầu.

Cho nên đừng có đùa, hãy coi trong kinh thì mình mới biết, chứ không, sau này mình nghe bên Đại thừa nói toàn là thấy màu nhiệm tuyệt vời. Nhưng không phải đâu! Khi chưa thành Phật, chưa đắc quả thì còn nhiều điều mê lắm. Cho nên coi nhiều [câu chuyện] tiền thân, thấy có nhiều cái mê lắm. Mà đó là chánh kinh nha, Kinh Trung Bộ là chánh kinh chứ không phải là kinh khác đâu. Coi bài kinh 81, mở kinh ra coi đi nha. Coi thấy tới tám lần, thấy [bạn mình] thiết tha thì mới tới gặp được Phật Ca Diếp để xin xuất gia với Phật Ca Diếp đó. Mà quý vị thấy đó là ngài là tu Bồ-tát hạnh bao nhiêu đời rồi? Ngài đã tu tới 20 a-tăng-kỳ rồi đó, kiếp này là Hiền kiếp rồi đó, tới sắp chót rồi mà còn như vậy đó. Vẫn còn chưa dẹp được tâm, để bình thường mình mến mộ một vị Phật đó, quý vị thấy không? Đâu có đơn giản đâu!

Cho nên là thấy con đường thành Phật dài xa như vậy, không đùa được đâu. Cho nên Thiện Trang nói tùy, ai muốn phát nguyện sao thì phát nguyện, mỗi người có một phát nguyện. Nếu quý vị phát nguyện thành Phật là quý vị không đắc quả Thanh văn đâu nha, không đắc Bích-chi-phật đâu đó, trừ khi quý vị thoái chuyển. Cho nên có nhiều người nghe vậy, thôi nguyện lại. Thật ra Đức Phật cũng rất từ bi, Đức Phật quan sát căn tánh mỗi người, căn tánh chúng sanh nào thì Đức Phật thuyết pháp như thế, thuyết pháp cho phù hợp. Đức Phật đâu

có ép mình đâu, sau này học giả Đại thừa toàn bắt mình phát nguyện thành Phật, chứ còn thật tế không phải như vậy nha. Ở đây sẵn nói như vậy để quý vị hiểu. Ai phát nguyện thì học cho kỹ đi. Học kỹ để con đường tu hành đúng. Mình rất là từ bi, mình nói như vậy để mọi người hiểu rõ, không khuyên một người nào hết.

Bây giờ là [bảng] Mười Ba-la-mật, cũng nhắc lại thôi.

Mười Ba-la-mật (Pāramī)			
TT	Tên Pāli	Tên Hán - Việt	Ý nghĩa
1	Dāna	Bố thí	Buông xả, không tham
2	Sīla	Trì giới	Thanh tịnh, nghiêm trì giới luật
3	Nekkhamma	Xuất ly	Tâm xuất thế, lìa dục
4	Paññā	Trí tuệ	Thấy rõ Tứ đế, duyên khởi
5	Viriya	Tinh tấn	Nỗ lực bền bỉ
6	Khanti	Nhẫn nhục	Chịu đựng, không sân
7	Sacca	Chân thật	Giữ sự chân thật
8	Adhiṭṭhāna	Quyết định	Kiên cố, không thoái chuyển
9	Mettā	Từ bi	Tình thương không phân biệt
10	Upekkhā	Xả	Tâm bình đẳng, không dao động

1. Bố thí (Dāna): là buông xả, là không tham. Ai cũng biết đúng không?

2. Trì giới (Sīla): là thanh tịnh, nghiêm trì Giới luật.

3. Xuất ly: là tâm xuất thế, lìa dục. Tâm này, nhiều người thiếu tâm xuất ly.

4. Trí tuệ: là thấy rõ được Tứ đế, duyên khởi.

5. Tinh tấn: là nỗ lực bền bỉ.

6. Nhẫn nhục (hay là kham nhẫn): là chịu đựng, không sân.

7. Chân thật: là giữ sự chân thật. Điều này quan trọng nha. Tu hành mà không có chân thật là thôi.

8. Quyết định: tức là sự kiên cố, không thoái chuyển.

9. Từ bi: là tình thương không phân biệt.

10. Xả: là tâm bình đẳng, không dao động.

Chúng ta học, đó là các vấn đề mà Thiện Trang đã chia sẻ.

Hôm nay đáng lẽ học phần Vi Diệu Pháp, nhưng Thiện Trang nghĩ là có nhiều phần mà chúng ta cũng cần nên bổ sung. Hôm bữa có người hỏi: “Thầy có thể chia sẻ lại truyền thừa của Phật giáo và lịch sử hay không?” Hôm nay Thiện Trang xin chia sẻ để quý vị thấy rằng: Sự truyền thừa Phật giáo, tại sao hôm nay có Phật giáo như thế này. Hôm nay Thiện Trang sẽ chia sẻ. Điều này thì hồi xưa Thiện Trang có học qua, nghiên cứu đọc khoảng 10 cuốn sách, rất nhiều. Tự nhiên gần đây, hình như khiến hay sao, Thiện Trang có coi thêm cuốn ‘Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ’. Hồi xưa cũng coi rồi nhưng không có tin những điều đó, vì mình nghĩ rằng đó là do nhà nghiên cứu viết thôi. Nhưng sau khi duyệt hết Kinh tạng Đại thừa và Tiểu thừa, Đại thừa thì còn một ít nữa, còn kinh Nguyên thủy thì coi hết rồi, và học một hồi, thì bây giờ mình biết từ nội dung mình suy ra những nghiên cứu đó chính xác, cho nên xin chia sẻ với quý vị. Tất nhiên quý vị có thể tin hay không tin, Thiện Trang cứ chia sẻ, quý vị có quyền suy xét.

Chủ Đề: SỰ TRUYỀN THỪA CỦA PHẬT PHÁP, PHÂN TÍCH LỊCH SỬ, KINH ĐIỂN VÀ SỰ LỆCH ĐI CỦA GIÁO LÝ (THEO THỜI GIAN).

Về nguồn tư liệu nghiên cứu ở đây thì Thiện Trang lấy nguồn gốc từ:

1. Nguồn gốc cổ điển: Nikāya (Pāli Canon), A-hàm (Hán tạng), Kathāvatthu (thuộc A-tỳ-đàm), Mahāvamsa (Biên niên sử).
2. Kinh Đại thừa: Bát-nhã, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy Ma Cật, A Di Đà.
3. Luận Đại thừa: Trung Quán, Duy Thức. (Thiện Trang coi quá trời, coi điên đầu luôn, mười mấy năm qua rồi).
4. Nguồn Trung Hoa: ngài Đàm Loan, Thiện Đạo, Huệ Năng.

5. Học giả hiện đại: Étienne Lamotte, A.K. Warder, Paul Williams, Bhikkhu Analayo, Thích Minh Châu. Ở đây có những học giả hiện đại rất nổi tiếng. Ở đây Thiện Trang xin giới thiệu bốn vị này.

1.Ngài Étienne Paul Marie Lamotte
Sinh: 21 tháng 11 năm 1903 tại Dinant, Bỉ
Mất: 5 tháng 5 năm 1983 tại Louvain-la-Neuve, Bỉ
Quốc tịch: Bỉ
Chức vụ: Giáo sư tại Université Catholique de Louvain (UCLouvain)
Lĩnh vực: Ấn Độ học, Phật học, ngôn ngữ học so sánh (Pāli, Sanskrit, Hán, Tây Tạng).

Cuốn sách mà lúc này Thiện Trang mới đưa lên là do ngài này viết. Ngài này rất nổi tiếng, là Giáo sư của trường Đại học Université Catholique de Louvain (UCLouvain). Và ngài giỏi lĩnh vực là Ấn Độ học, Phật học, ngôn ngữ học so sánh, ngài biết thành thạo cả Pāli, Sanskrit, Hán ngữ, Tây Tạng và tất nhiên là tiếng Pháp, tiếng Anh, biết nhiều lắm. Nói chung là ngài rất giỏi. Cho nên một người giỏi như vậy đưa ra nghiên cứu chứ không phải mình, mà ngài học bao nhiêu kinh điển luôn, quý vị lên mạng đánh ra các tác phẩm của ngài này nhiều lắm.

2. Ngài Anthony Kennedy Warder
Sinh: 1924 (Anh)
Mất: 2013 (Canada)
Quốc tịch: Anh, sau định cư và giảng dạy tại Canada .
Chức vụ: Giáo sư Đại học Toronto , Khoa Ấn Độ học và Phật học
Lĩnh vực chuyên môn: Pāli, Sanskrit, Prakrit; Văn học Ấn Độ cổ; Lịch sử phát triển của Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa. (Nói chung là ngài biết cực nhiều).

Nói chung toàn là những người nổi tiếng, dẫn từ những người này cho quý vị thấy.

3. Ngài Paul M. Williams
Sinh: năm 1950, tại Anh
Học vị: Tiến sĩ Triết học (Ph.D., University of Oxford)
Chức vụ: Giáo sư (Professor of Indian and Tibetan Philosophy), University of Bristol (Anh) ; Giám đốc Centre for Buddhist Studies , Đại học Bristol.
Chuyên ngành: Triết học Ấn Độ và Tây Tạng; Tư tưởng Đại thừa (Madhyamaka & Yogācāra); So sánh triết học Phật giáo và Kitô giáo.

Và một người nữa là người Đức, cũng rất nổi tiếng. Ngài này thì đi xuất gia luôn rồi.

4. Ngài Bhikkhu Anālayo (Là Pháp danh, Thế danh: (không công bố rộng rãi; người Đức)
Sinh: năm 1962, tại Đức.
Xuất gia: năm 1995 tại Sri Lanka, theo truyền thống Theravāda .
Học vị: Tiến sĩ Triết học (Ph.D., University of Peradeniya, Sri Lanka, 2000)
Chức vụ hiện nay: Giáo sư nghiên cứu tại Numata Center for Buddhist Studies, University of Hamburg (Đức); Giảng sư tại Barre Center for Buddhist Studies (Mỹ) ; Tăng sĩ cư trú tại Barre, Massachusetts . (Ai ở tại Đức thì có thể tìm ngài này).

Lấy bốn người nổi tiếng như vậy để nhận xét. Ngoài ra cũng có thể lấy nữa, để quý vị biết là chúng ta căn cứ vào toàn là người giỏi không [thôi]. Đặc biệt ngài [Bhikkhu Anālayo] này là ngài xuất gia luôn, cho nên người ta tu hết mình để viết ra những quyển sách nghiên cứu. Và bây giờ quý vị tìm trên mạng rất dễ. Bây giờ có ChatGPT, Gemini quý vị có thể lôi ra các tác phẩm các ngài đó, trích đoạn cần cái gì thì lôi ChatGPT ra dịch cho mình. Mình cần file gì thì kiếm file đó, rồi gửi đoạn đó vô cho nó dịch cho mình, thì mình coi cũng được, không cần phải mua sách.

Ở đây, qua sự nghiên cứu của nhiều người như vậy, hồi xưa Thiện Trang thì không tin những điều này, Thiện Trang nói mấy người học giả thôi. Nhưng bây giờ sau khi đọc hết kinh rồi, mình so sánh giáo lý trong kinh thì mình thấy:

Ồ, đúng rồi! Mình tu trải nghiệm thì mình thấy đúng rồi, pháp đúng là như vậy. Và bây giờ mình coi lại thì mình thấy nghiên cứu này đúng đó. Quý vị có tin hay không tin thì tùy quý vị, chớ vội tin, cũng chớ vội bác bỏ, mà hãy suy xét đi. Và tu theo thời gian năm tháng, rồi mình sẽ kiểm nghiệm lại những lời nói này. Nhớ! Hãy kiểm nghiệm lại. Giống như Thiện Trang cứ nói quý vị tin đi, [quý vị] không tin thì không sao, rồi từ từ đến lúc chết mới thấy: Ủa! Sao mình tu [pháp] này không có hiệu quả gì cả. Lúc đó mới nhớ lại là hồi xưa ông thầy Thiện Trang ổng nói rồi đúng không? Lúc đó mình quay đầu, quay đầu trước lúc lâm chung vẫn còn kịp, chứ còn quay không kịp là đọa luôn, lúc đó oan uổng cuộc đời tu.

Bây giờ chúng ta coi. Thời kỳ thứ nhất gọi là thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy ở Ấn Độ:

I. PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY (Ấn Độ – Thế kỷ 5–3 TCN).

TCN là trước công nguyên. Công nguyên là năm từ khi Chúa Giêsu ra đời, mình coi như là năm số 0, nhưng thật tế không có năm số 0, là năm số 1. Cũng vậy, Chúa Giêsu ra đời, bây giờ mình tính lịch dương là 2025. Đây là trước nữa, là năm 500 năm.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (563–483 TCN) giảng dạy Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Vô Ngã, Duyên Khởi, Niết-bàn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo ở đây nghiên cứu thì ra đời năm 563, có chỗ nói là 564, mất năm 483, tức là [Ngài nhập] Niết-Bàn năm 483 trước công nguyên. Trước công nguyên là đếm ngược nha quý vị, con số từ to đến đếm nhỏ, rồi từ công nguyên trở đi mới đếm từ nhỏ đến to. Lúc đó, Đức Phật Mâu Ni giảng dạy về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, Thập Nhị Nhân Duyên, Vô Ngã, Duyên Khởi, Niết-Bàn. Đó là cốt lõi của Phật. Và chúng ta coi trong kinh rõ ràng, Kinh A Hàm, Kinh Nikaya rõ ràng là nội dung này.

Không bàn về thần linh, không chấp: thường – đoạn, có – không (mấy điều này là Đức Phật bác hết. Không chấp thường, không chấp đoạn, không chấp có, không chấp không); **tư tưởng Trung đạo là gốc của Trung Quán sau này** (tức là sau này Trung Quán Luận là xuất phát từ cái này).

Tạng Kinh, Luật, Luận lúc này chưa được viết thành kinh mà chỉ truyền miệng gồm		
1	Kinh tạng	Tụng nhớ lời Phật dạy
2	Luật tạng	Tụng nhớ giới luật tăng đoàn
3	Luận tạng	Tụng nhớ phân tích pháp, tâm theo duyên khởi. Cốt lõi: “Sabbe dhammā anattā” – Tất cả các pháp đều vô ngã (Dhammapada 279)
		“Tất cả pháp vô ngã, Với Tuệ quán thấy vậy, Đau khổ được nhàm chán Chính con đường thanh tịnh”. (Kinh Pháp Cú 279)

Thời gian này thì có các cuộc kết tập kinh điển như sau, Thiện Trang giới thiệu ngắn thôi nha:

***Kỳ kết tập Kinh điển lần thứ nhất** (lần này thì ai cũng biết đúng không?)

· **Thời gian:** Khoảng năm 483 TCN (ngay sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn).

· **Địa điểm:** Hang động Sattapanni (Thất Diệp), thành Rajagaha (Vương Xá, Ấn Độ).

· **Chủ trì:** Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa).

· **Thành phần:** 500 vị A-la-hán.

· **Nội dung:**

◦ Ngài **A-nan** tụng lại **Kinh tạng (Sutta Pitaka)**.

◦ Ngài **Upāli (Ưu-ba-ly)** tụng lại **Luật tạng (Vinaya Pitaka)**.

◦ Khi ấy **Luận tạng A-tỳ-đàm (Abhidhamma)** chưa được hệ thống hóa.

Thật ra lúc này chỉ có Kinh tạng và Luật tạng. Và nhớ Kinh tạng lúc này (nội dung mà sau này chúng ta gọi là A Hàm và Nikaya đó) là nội dung chính rồi

đó.

**** Kỳ kết tập Kinh điển lần thứ hai**

· **Thời gian:** Khoảng 100 năm sau Niết-bàn của Đức Phật.

· **Địa điểm:** Thành Vesāli (Tỳ-xá-ly).

· **Nội dung:** Giải quyết tranh luận về giới luật (10 điều tiểu giới). (Tức là 10 điều này, ví dụ như được giữ tiền, rồi được ăn quá ngọ (tức là quá giữa trưa, được mặt trời nghiêng một chút), rồi được giữ muối v.v... tranh luận 10 điều).

· **Kết quả:** Một nhóm không đồng ý với kết luận chính thức tách ra — về sau trở thành tiền thân của Phật giáo Đại chúng bộ (Mahāsāṃghika).

Phật giáo Đại chúng bộ, do là họ không đồng ý, chúng đó trẻ, đông hơn. Còn chúng già thì ít hơn, thì thành Thượng tọa bộ sau này. Hai nhóm đó là 100 năm sau khi Đức Phật nhập Niết-Bàn thì họ chia ra, do 10 điều phi pháp. Quý vị có thể lên mạng đánh vào 10 điều phi pháp khiến sanh ra điều này, chứ bây giờ không có thời gian. Bây giờ, Thiện Trang nói, ví dụ như lúc đó cho phép được nhận tiền, nhóm Tỳ-kheo trẻ thì cho phép nhận tiền, còn nhóm Tỳ-kheo già thì nói Đức Phật đâu có cho nhận tiền. Rồi được ăn quá ngọ một chút, mặt trời đứng bóng, nghiêng chút xíu cũng cho ăn thêm. Các nhóm trẻ [thì kêu] được. Rồi kêu là được giữ muối, được giữ đồ gì đó. Đáng lẽ Tỳ-kheo không được tích lũy mấy đồ đó, nhưng cho thêm. Đó thì [gây] ra tranh cãi. Rồi nhóm đông hơn (nhóm đó được gọi là Đại chúng bộ) mở rộng thêm. Còn nhóm Thượng tọa bộ (tức là nhóm những người già) thì họ giữ nguyên. Cho nên từ đây sanh ra Đại chúng bộ và Thượng tọa bộ, là bắt đầu từ đây, tức là 100 năm sau khi [Đức] Phật nhập Niết-Bàn.

Đặc điểm cốt lõi giai đoạn này (Ấn Độ, TK 5-3 TCN):

- **Duyên khởi** – không có gì tồn tại độc lập.
- **Vô ngã** – không có “tự ngã” thường hằng.
- **Tứ Diệu Đế** – khổ, tập, diệt, đạo.

- **Bát Chánh Đạo** – con đường thực hành cụ thể.
- **Không thần linh, không tha lực.**

Quý vị nhớ, chúng ta học Kinh A Hàm với Nikaya thấy đúng, giống như vậy đúng không ạ? Hồi xưa thì không tin, nhưng bây giờ Thiện Trang coi kỹ, học rồi mới biết giống những điều này.

Tính nguyên thủy: Toàn bộ giáo pháp đều dựa trên **kinh nghiệm chứng ngộ trực tiếp và lý duyên khởi** — tuyệt đối trung đạo, không chấp: “có – không”, “thường – đoạn”. (Giai đoạn này là giai đoạn TK 5-3 TCN, tức là Đức Phật nhập Niết-Bàn khoảng hơn 200 năm).

II. GIAI ĐOẠN PHÂN PHÁI (Thế kỷ 3 TCN – 1 CN)

*****Kỳ kết tập Kinh điển lần thứ ba**

- **Thời gian:** Khoảng năm 250 TCN.
- **Địa điểm:** Thành Pāṭaliputta (Hoa Thị Thành).
- **Chủ trì:** Tỳ-kheo **Moggaliputta Tissa**, dưới triều vua **A Dục (Asoka)** (Ngài Moggaliputta Tissa là được thỉnh từ trên chư Thiên xuống để chủ trì pháp hội này).
- **Nội dung:**
 - Thanh lọc tăng đoàn khỏi những phần tử không chính tín. (Tức là lúc này Bà-la-môn trà trộn rất nhiều vào đây, nên thanh lọc ra. Lúc đó Bà-la-môn giáo vô xuất gia nhiều lắm, họ làm loạn Phật giáo).
 - Hệ thống hóa **Luận tạng (Abhidhamma Pitaka)**. (Luận tạng là phần Vi Diệu Pháp mà chúng ta học. Chính vì vậy nhiều người không công nhận Vi Diệu Pháp có từ thời Đức Phật, mà kêu tới đây mới có. Câu Xá Luận v.v đó, sau này là cũng xuất phát từ đây, chứ mới đầu thời Đức Phật người ta nói ở trên đâu có kết tập đâu).
 - Gửi các **phái đoàn truyền giáo** đi nhiều nước, trong đó có **Sri Lanka**.

Sau khi Phật nhập diệt 100–200 năm, hội kết tập lần 2 và 3 dẫn đến chia rẽ giữa Thượng tọa bộ (Theravāda) và Đại chúng bộ (Mahāsāṃghika).

Đại chúng bộ nhấn mạnh tính siêu việt của Phật – mầm mống của Đại thừa. (Lúc này thì Đại chúng bộ lại nhấn mạnh tính siêu việt của Phật).

******Kỳ kết tập Kinh điển lần thứ tư (theo Nam truyền – Theravāda)**

· **Thời gian:** Khoảng năm 20 TCN (bây giờ chúng ta là năm 2025, cộng thêm 21 năm nữa, cách chúng ta hơn hai ngàn năm mới có kỳ kết tập này. Lúc này mới kết tập kinh điển lần thứ tư, bên Nam truyền).

· **Địa điểm:** Sri Lanka, tại Aloka-lena (Hang Aloka).

· **Dưới triều vua:** Vattagamani Abhaya.

· **Đặc điểm:** Lần đầu tiên **Tam Tạng được ghi chép bằng chữ viết (chữ Pāli)**, thay vì chỉ truyền miệng. (Tới đây mới có kinh nha. Như vậy sau khi Phật nhập Niết-Bàn năm 483, gần 500 năm sau mới có được kinh chép bằng chữ Pali. Đây là Nam truyền, lát nữa chúng ta nói Bắc truyền).

Đây là **nền tảng của Tam Tạng Pāli** hiện còn trong Phật giáo Nam truyền. (Dần dần hình thành năm bộ Nikaya là từ đây).

****** Kỳ kết tập Kinh điển lần thứ tư (theo Bắc truyền – Đại thừa)**

· **Địa điểm:** Thành Ca-thấp-di-la (Kashmir).

· **Dưới triều vua:** Ca-ni-sắc-ca (Kaniṣka).

· **Nội dung:** Biên tập **Luận tạng theo hệ thống A-tì-đạt-ma Đại thừa**. (Cho nên bộ này cũng có khá sớm. Luận Câu Xá, Đại Tỳ Bà Sa Luận v.v... là có từ đây).

Là nền tảng cho **Abhidharma (A Tỳ Đạt Ma)** của **Nhất thiết hữu bộ (Sarvāstivāda)** và các bộ phái Bắc truyền khác.

Đặc điểm giai đoạn phân phái – 200 năm sau Phật (TK 3 TCN – 1 CN)

· Cuộc kết tập lần 2-3, bất đồng về Giới luật và quan điểm triết học.

· **Thượng tọa bộ (Theravāda):** Giữ nguyên giáo pháp gốc, trọng tự lực, thiên định.

· **Đại chúng bộ (Mahāsāṃghika):** Mở rộng lý tưởng, xem Phật là siêu việt, xuất hiện nhiều cõi Phật. (Nhớ, tới đây mới xuất hiện nhiều cõi Phật nha. Quý vị coi Kinh A Hàm, Kinh Nikaya cũng nói có nhiều Thế giới, nhưng không nói Thế

giới này, Thế giới kia, mà tới lúc này mới bắt đầu có nhiều Thế giới xuất hiện. Giống như Thế giới Mật Nghiêm là từ đâu ra? Cõi Dục Sư, nhiều cõi thế này thế kia. Đó là sau này mới có, chứ không phải [có từ] lúc đầu, [nên] kinh Nguyên thủy không có nói là vậy.

Điểm lệch đầu tiên:

· Khởi đầu việc “thần hóa Đức Phật”.

Lúc này là thần thánh hoá Đức Phật lên, tức là cho Đức Phật siêu việt, ghê gớm. Quý vị coi sau này kinh điển Đại thừa toàn thấy là Phật siêu việt, hay Đại chúng siêu việt. Nhưng chúng ta coi kinh Nguyên thủy thì không phải như vậy.

· Bắt đầu xuất hiện ý tưởng “đa Phật, đa thế giới” (nhiều Phật, nhiều thế giới) – vượt ra khỏi mô hình duyên khởi gốc.

Tại vì Đức Phật nói cũng có nhiều Thế giới mà, cho nên họ cứ sáng chế thêm là có nhiều Phật, nhiều Thế giới, Thế giới này, Thế giới kia, bắt đầu từ đó mới xuất hiện. Tất nhiên quý vị nghe điều này trái ngược với chúng ta, nhưng cứ từ từ nghe đi, nghe rồi suy xét, chớ vội tin cũng chớ vội bác bỏ.

III. PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA ẤN ĐỘ (Thế kỷ 1-6 CN) (cách chúng ta khoảng hơn 1.400 năm).

- Sự xuất hiện của các kinh điển Đại thừa:

- Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Tánh Không, Vô tự tánh).

- Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm (Phật tánh phổ biến, Nhất thừa).

- Kinh Duy Ma Cật, Lăng Già (Bất nhị, Duy thức).

- Kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ (Tha lực, Tịnh độ). [[Các Kinh này] xuất hiện thời sau này).

Nhiều kinh Đại thừa không có trong kết tập ban đầu, không có chứng cứ Ấn Độ cổ; khả năng sáng tác hậu kỳ (~300 năm sau Phật). (Mình nghe như vậy thấy choáng, nhưng chúng ta cứ từ từ nghe đi).

Đặc điểm giai đoạn Đại thừa Ấn Độ (TK 1-6 CN)

Đây là đánh giá của các nhà đồ nha, không phải Thiện Trang. Đây là đánh giá của các nhà nghiên cứu lúc này, một nhà người Anh, một nhà người Bỉ, một

nhà người Đức, một ngài gì nữa đó, đủ hết. Toàn người nổi tiếng, có người xuất gia nữa, toàn những người học ghê gớm không à. Chúng ta coi các ngài đánh giá.

Thế kỷ	Kinh điển / Tác giả	Thêm – Bớt – Diễn giải	Lệch khỏi nguyên lý nào
I-II CN	Kinh Bát-nhã, Long Thọ	Thêm khái niệm “Tánh Không” – diễn giải Duyên khởi ở tầng sâu	<i>Không lệch</i> , chỉ mở rộng tư duy “vô tự tánh”
II-III CN	Pháp Hoa, Hoa Nghiêm	Thêm “Phật tánh phổ biến”, “Nhất thừa”	Bắt đầu mâu thuẫn với Vô ngã , vì coi ai cũng có “Phật tánh” như bản thể cố định.
II-III CN	Duy Ma Cật, Lăng Già	“Tâm tức Phật”, “Duy tâm sở hiện”	Có nguy cơ rơi vào chủ nghĩa duy tâm, xa rời Duyên khởi thực nghiệm
II-III CN	A Di Đà, Vô Lượng Thọ	Phát triển “tha lực – Tịnh độ”	Lệch hẳn khỏi Tự lực – Vô ngã , tạo cơ chế “cầu nguyện – cứu độ”

Thế kỷ I-II CN (sau Công Nguyên): Kinh Bát Nhã, người ta đánh giá là do ngài Long Thọ sáng tác. Tất nhiên bên Đại thừa nói mấy kinh này lấy từ Long cung lên. Họ giải thích thì chúng ta cứ nghe vậy thôi. Sự thêm bớt, diễn giải: Thêm khái niệm “Tánh Không” – diễn giải Duyên khởi ở tầng sâu. So sánh về độ lệch, có lệch với kinh Nguyên thủy không: thì không lệch, chỉ mở rộng tư duy “vô tự tánh”. Kinh Bát Nhã coi như OK.

Thế kỷ II-III CN: xuất hiện Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm. Thêm khái niệm “Phật tánh phổ biến”, “Nhất thừa”. Bắt đầu mâu thuẫn với **Vô ngã**, vì coi ai cũng có “Phật tánh” như bản thể cố định. Tới đây bắt đầu mâu thuẫn với Vô ngã. Đây là các ngài đánh giá chứ không phải Thiện Trang, Thiện Trang đâu đủ trình độ đánh giá.

Thế kỷ II-III CN: có Kinh Duy Ma Cật, Kinh Lăng Già. “Tâm tức Phật” là Kinh Duy Ma Cật, “Duy tâm sở hiện duy, duy thức sở biến” là Kinh Lăng Già. Có nguy cơ rơi vào chủ nghĩa duy tâm, xa rời **Duyên khởi thực nghiệm**. Các ngài đánh giá là bắt đầu nặng về tâm, cho nên duy tâm đó, ‘duy tâm Tịnh độ’. Duy tâm bắt đầu xuất hiện từ Duy Thức.

Thế kỷ II-III CN: có Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ. Phát triển “tha lực

– Tịnh độ”. Theo đánh giá của các ngài ấy là: Lệnh hẩn khỏi **Tự lực – Vô ngã**, tạo cơ chế “cầu nguyện – cứu độ”. [Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ] xuất hiện ở thế kỷ II-III sau Công Nguyên thôi, bây giờ thế kỷ thứ 26, cũng qua hai mấy thế kỷ rồi.

Từ đây, Đại thừa tách thành hai khuynh hướng:

1. Triết học Đại thừa (Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân) (ba ngài này rất nổi tiếng) – **vấn duy trì tinh thần Duyên khởi.**

2. Tôn giáo Đại thừa (Pháp Hoa, Tịnh độ) – **bắt đầu tôn giáo hóa, dựa trên niềm tin và tha lực.**

Tại sao lại gọi là Triết học [Đại thừa]? Vì học như vậy nhưng tu không được, Đại thừa tu không được.

Còn Tôn giáo [Đại thừa] này thì dạy về thần thánh nhiều hơn.

IV. TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC ĐẠI THỪA

Ngài Long Thọ (Nāgārjuna): Trung Quán Luận – “Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị Không”.

Ngài Thế Thân & Vô Trước: Duy Thức học – “Vạn pháp duy tâm sở hiện”. (Những điều trước đây chúng ta học toàn là học với các ngài này nè).

Đây là giai đoạn triết học hóa Đại thừa, chưa xa rời Duyên khởi. (Ai có trình độ thì hiểu mình đang học cái này nè).

V. TỪ TRIẾT HỌC chuyển sang TÍN NGƯỠNG (Trung Hoa, TK II-X)

Còn điều này mới sợ hơn nè, đây Trung Hoa nè. Những người đồng tu Tịnh độ nếu nghe điều này là hơi choáng nè:

1.Các dịch giả như Chi-lâu-ca-sấm, Cưu-ma-la-thập, Khang Tăng Khải đưa kinh Đại thừa vào Hán văn. (Những ngài này thì ok. Những ngài này dịch sang tiếng Hán cho người Trung Hoa thôi).

2.Ngài Đàm Loan, Đạo Xức, Thiện Đạo khởi xướng Tịnh độ tông – tha lực cứu độ. (Các ngài này mới đưa ra Tịnh Độ tông).

3.Ngài Huệ Năng, Mã Tổ, Lâm Tế phản tỉnh: “Tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Đưa Phật giáo về lại gần Nguyên thủy. (Tu theo ngài Huệ Năng, ngài

Mã Tổ, ngài Lâm Tế cũng ổn, tại vì Phật giáo đó gần với Phật giáo Nguyên thủy. Thiện Trang hồi xưa không biết điều này, nhưng bây giờ thấy đúng rồi, học mấy ngài này OK nè, thấy gần gần với kinh Nguyên thủy, tu được).

Ở đây đánh giá lại tiếp:

Thế kỷ	Nhân vật / Tông phái	Biến đổi	Lệch khỏi nguyên lý
II-III	Chi-lâu-ca-sấm, Khang Tăng Khải	Dịch kinh Đại thừa sang Hán; hòa trộn Lão-Trang	Biến triết lý thành ẩn ngữ siêu hình.
V-VI	Đàm Loan	Tha lực niệm Phật - “Dị hành đạo”	Sai với Vô ngã, Tự lực .
VII	Thiền Đạo, Đạo Xước	Tín - Nguyện - Hạnh	Thay Bát Chánh Đạo bằng tín ngưỡng cầu vãng sinh.
VII-IX	Huệ Năng, Lâm Tế	Phản tỉnh - Thiền Tông	Phục hồi “Tự tánh giác ngộ”, gần với Vô ngã - Duyên khởi.

Thế kỷ II-III: các ngài Chi-lâu-ca-sấm, Khang Tăng Khải, dịch kinh Đại thừa sang Hán; hòa trộn với đạo Lão và đạo Trang (Nho và Đạo của Trung Quốc). Tại sao? Vì để phù hợp với địa phương, cho nên bắt đầu xuất hiện hiện tượng đó. Chính vì vậy sau này mình học lẫn lộn vô đó, có chỗ thì Nho, có chỗ thì Đạo. Ví dụ như mình học câu “đọc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến”, đó là thuộc về Nho, đâu phải thuộc về [đạo Phật]. Rồi “Minh tâm Kiến tánh” là thuộc về đạo Lão, đạo Gia. Những chữ đó là mượn qua, nhưng cũng ok. Mượn không có gì, nhưng bắt đầu pha trộn nhiều thứ vô. Cho nên sau này ‘biến triết lý thành ẩn ngữ siêu hình’. Cho nên khó hiểu là do vậy đó. Kinh điển từ dễ hiểu thành khó hiểu tại vì mượn ẩn ngữ siêu hình của nhà Nho, nhà Đạo vô. Sau này mình nghe ‘Minh tâm Kiến tánh’ nghe khó hiểu. Rồi có nhiều từ ngữ khó hiểu là tại mượn từ bên đó vô, chứ kinh Nguyên thủy rất dễ hiểu. Tại mình vay mượn của bên đạo Nho và đạo Lão vào và [theo] nhân gian Trung Quốc nữa.

Thế kỷ V-VI: ngài Đàm Loan bắt đầu đề xướng tha lực niệm Phật - “Dị hành đạo”. Điều này nhiều người cứ nói do ngài Long Thọ đưa ra, nhưng thực tế các ngài đó mượn danh ngài Long Thọ. Theo các nhà nghiên cứu nói là mượn danh, chứ ngài Long Thọ không [đề xướng] như vậy. Nên Tổ nào cũng nhận ngài

Long Thọ làm Tổ hết, lý do là mượn người nổi tiếng, gọi là ‘thầy sang bắt quàng làm họ’ đó. Cho nên từ đây mới sai lệch với Vô ngã và Tự lực. Tức là đạo Phật bây giờ biến tự lực thành tha lực mất rồi. Cho nên đó là “Dị hành đạo”. Nên thực tế từ thế kỷ V-VI sau Công Nguyên mới có niệm Phật nổi tiếng lên.

Thế kỷ VII (sau Công Nguyên): ngài Đại sư Thiện Đạo, ngài Đạo Xước mới bắt đầu chuyển đổi thành Tín - Nguyện - Hạnh, thay Bát chánh đạo bằng tín ngưỡng cầu vãng sanh. Ở đây Tịnh độ bắt đầu phát triển bùng lên, vì rất phù hợp với nhân gian Trung Quốc và từ đó mới có. Cho nên tại sao Nam truyền họ không có những môn này. Ấn Độ hồi xưa cũng có, nhưng có ít thôi chứ không có nhiều như vậy.

Thế kỷ VII - IX: ngài Huệ Năng, ngài Lâm Tế v.v.. phản tỉnh lại Thiền tông, phục hồi “Tự tánh giác ngộ”, gần với Vô ngã - Duyên khởi. Cho nên tu ở [thời này] nhiều người chứng đạo, thời nhà Đường nhiều người chứng đạo là nhờ ‘Tự tánh giác ngộ’ này, nhờ ngài Huệ Năng, nhờ ngài Lâm Tế v.v.... cho nên tự nhiên người thời đó đắc đạo rất nhiều. Đó là do đưa về được gần với gốc nhất.

Thời kỳ suy thoái và phân tông (TK IX-XIII)

Tổng kết lại:

- **Mật tông du nhập từ Tây Tạng - thêm yếu tố thần chú, nghi quỹ, linh ứng.** (Từ thế kỷ IX - XIII, lúc này mới bắt đầu nhập Mật tông vào. Từ đó Trung Quốc nhập thêm Mật tông nữa. Việt Nam mình bị truyền qua cho nên có Mật tông vô).

- **Thiền - Tịnh - Mật tách thành tông phái riêng biệt.**

Sai lệch tổng thể:

- **Phật pháp bị chia nhỏ, đánh mất Trung đạo và Duyên khởi, mỗi tông giữ một phần giáo lý và tuyệt đối hóa nó.** (Tới đây là phần ai nấy tu).

Quý vị nghe như vậy, quý vị hiểu được bao nhiêu thì hiểu nha, từ từ mình nghe rồi mình coi đi coi lại. Tóm lại bắt đầu tới đó là thầy bất ổn.

VI. SỰ MAI MỘT VÀ CHỈNH SỬA GIÁO LÝ

Từ thế kỷ I-XIII sau CN:

- Thần thánh hóa Đức Phật thành “đấng cứu độ”.

- Viết thêm kinh Đại thừa mới: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, A Di Đà...

- Pha trộn triết học Ấn giáo (Ấn độ của Bà-la-môn), Lão - Trang (Nho, Đạo) ở Trung Quốc.

- Lễ nghi - cầu nguyện thay cho Thiền quán - Chánh niệm.

Bây giờ toàn là lễ nghi, đó là xuất hiện sau này. Chứ quý vị coi kinh Nguyên thủy làm gì có cầu nguyện. Hồi xưa là Thiền quán và Chánh niệm thôi.

- Phân chia Thiền - Tịnh - Mật thành tông phái đối lập mới. (Vô cùng nhiều tông phái xuất hiện sau này, thật ra là từ thế kỷ I-XIII. Bây giờ chúng ta đến thế kỷ 26, lâu quá rồi, nên thành luôn như vậy rồi).

VII. ĐỐI CHIẾU VĂN BẢN HỌC

- Kinh Bát Nhã có gốc trong Tương Ưng và Trung Bộ (SN 12, MN 121).

- Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, A Di Đà không có bản Pāli tương đương.

- Tư tưởng “Phật tánh”, “Như Lai tạng” mâu thuẫn với Vô ngã.

- Tịnh độ, Mật tông - xa rời Duyên khởi, mang tính tôn giáo hóa.

Quý vị thấy, hôm bữa giảng Thiện Trang cũng nói Phật tánh, Như Lai tạng, A-lại-da thức sao mâu thuẫn với kinh Nguyên thủy vậy. Sau này đọc lại mới biết, hóa ra mình phát hiện ra, mấy ngài này cũng phát hiện ra luôn. Đâu phải mình phát hiện ra đâu, các ngài cũng phát hiện ra trước rồi. Đúng là nếu tu theo điều đó thì mình khó mà chứng đạo được, vì ngược với Vô ngã của Phật, chấp vào cái thường còn, nên không được. Sau này đọc đến những điều này [thấy]: Ô, đúng quá! Các ngài giống ý mình, cho nên Thiện Trang thấy tâm đắc, [nên] chia sẻ.

- Tịnh độ, Mật tông – xa rời Duyên khởi, mang tính tôn giáo hóa: (đó

là các ngài nhận định chứ không phải Thiện Trang).

VII.1. NHÓM KINH CÓ GỐC TRỰC TIẾP TRONG NIKAYA (Diễn giải mở rộng)

Kinh Đại thừa	Tư tưởng chính	Tương ứng trong Nikāya / A-hàm	Tình trạng học thuật	Nhận định
Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Aṣṭasāhasrikā, v.v.) (Ra đời khoảng 100 TCN – 50 SCN)	“Tánh Không”, “Vô tự tánh”, “Sắc tức thị Không”	<i>Kinh Tương Ưng Duyên Khởi (SN 12), Kinh Vô Ngã Tướng (SN 22.59), Kinh Không (MN 121-122)</i>	Có gốc rõ trong Pāli – diễn giải sâu hơn Duyên khởi	Triết học hóa Duyên khởi, không sai lệch tinh thần.
Trung Quán Luận (Nāgārjuna) (Ra đời khoảng năm 150-250 SCN)	“Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị Không”	<i>Kinh Trung Bộ MN 115 – Kinh Nhiếp Thủ (giải thích trung đạo), SN 12.15 – Kinh Kaccāyana</i>	Căn cứ trực tiếp Pāli	Giữ nguyên tinh thần Trung đạo.
Duy Thức Luận (Yogācārabhūmi, Abhidharmakośa) (Ra đời khoảng thế kỷ IV – đầu thế kỷ V SCN (~350-420 SCN))	“Tâm duy thức”, “Pháp duy biểu”	<i>Kinh Tương Ưng Tâm (SN 12.61), Kinh Vô Ngã Tướng</i>	Tái diễn giải hiện tượng tâm lý Pāli	Diễn giải hợp lý, nhưng nếu hiểu cực đoan, rơi vào duy tâm.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Aṣṭasāhasrikā, v.v.) ra đời khoảng 100 TCN – 50 SCN. Tư tưởng chính là “Tánh Không”, “Vô tự tánh”, “Sắc tức thị Không”. Điều này thì ai cũng biết. Tương ứng trong Kinh Nikaya/A Hàm, đó là: Kinh Tương Ưng Duyên Khởi (SN 12), Kinh Vô Ngã Tướng, Kinh Không (121-

122). Quý vị có thể tra những [kinh] này, Thiện Trang nói nhanh thôi. Tình trạng học thuật: Có gốc rõ trong Pāli – diễn giải sâu hơn Duyên khởi. Nhận định: Triết học hóa Duyên khởi, không sai lệch tinh thần. Nói chung Kinh Bát Nhã ổn.

Trung Quán Luận (Nāgārjuna) ra đời khoảng năm 150–250 SCN. Tư tưởng chính là “Nhân duyên sở sinh pháp, ngã thuyết tức thị Không”. Kinh này tương ứng với: Kinh Trung Bộ MN 115 – Kinh Nhiếp Thủ (giải thích trung đạo), SN 12.15 – Kinh Kaccāyana. [Tình trạng] là: Căn cứ trực tiếp Pāli. [Nhận định] là: Giữ nguyên tinh thần Trung đạo. Đây là các nhà nghiên cứu đưa ra, chứ Thiện Trang đâu có đủ trình độ mà nghiên cứu cỡ đó.

Duy Thức Luận (Yogācārabhūmi, Abhidharmakośa) ra đời khoảng thế kỷ IV – đầu thế kỷ V SCN (~350–420 SCN). [Tư tưởng chính] là “Tâm duy thức”, “Pháp duy biểu”. Tương ứng với: Kinh Tương Ưng Tâm (SN 12.61), Kinh Vô Ngã Tướng. [Tình trạng] là: Tái diễn giải hiện tượng tâm lý Pāli. [Nhận định]: Diễn giải hợp lý, nhưng nếu hiểu cực đoan, rơi vào duy tâm. Diễn giải thì ok, nhưng nếu hiểu sâu quá có khi rớt vào duy tâm luôn. Duy tâm là sẽ chấp vào một cái ngã, nên không đúng, mà Đức Phật [nói] là Duyên khởi, duy duyên mới đúng chứ không phải duy tâm.

Đó là những kinh cũng có nguồn gốc, còn nhóm kinh thứ hai là:

VII.2. NHÓM KINH “CÓ LIÊN HỆ LÔNG LẼO” (mượn khái niệm, thêm yếu tố siêu hình)

Kinh Đại thừa	Tư tưởng chính	Gốc trong Nikāya / A-hàm	Mức độ thêm thắt	Nhận định
Hoa Nghiêm (Avatamsaka) (Ra đời trong nhiều giai đoạn, từ thế kỷ I TCN đến khoảng thế kỷ IV SCN).	“Pháp giới duyên khởi”, “Nhất tâm bao hàm vạn pháp”	Dựa lỏng lẻo trên “Duyên khởi”, nhưng thêm “Pháp giới nhất thể”	Pha trộn triết học Ấn giáo (Brahman)	Duyên khởi bị chuyển thành “Pháp giới đồng nhất thể”.

Duy Ma Cật (Vimalakīrti) (Ra đời hoàng thế kỷ I – II sau Công nguyên)	“Bất nhị pháp môn”, “Tâm tịnh tức quốc độ tịnh”	Gợi ý từ <i>Kinh Tập A-hàm</i> (SA 297 – “Pháp và phi pháp”)	Thêm mô hình “Cư sĩ tại gia thuyết pháp”	Có yếu tố xã hội hóa, nhưng thêm màu sắc văn học.
Lăng Già (Laṅkāvatāra) (Ra đời khoảng thế kỷ III – IV sau Công nguyên (250–350 SCN))	“Như Lai tạng”, “Duy tâm sở hiện”	Phần “tâm tạo cảnh” từ SN 12.40, nhưng thêm “Như Lai tạng” – không có trong Pāli	Thêm yếu tố bản thể luận	Có yếu tố “ngã vi tế” – mâu thuẫn Vô ngã.
Kinh Pháp Hoa (Saddharma Puṇḍarīka) (Ra đời khoảng thế kỷ I – II sau Công nguyên (100–200 SCN))	“Nhất thừa”, “Phật tánh phổ biến”	Không có gốc Nikāya, nhưng dùng ẩn dụ từ <i>Kinh Ví Dụ Áo Rách</i> (MN 7)	Sáng tác thần học hóa	Bắt đầu thần thánh hóa Phật và cứu độ phổ quát.

Kinh Đại thừa Hoa Nghiêm (Avataṃsaka) ra đời trong nhiều giai đoạn, từ thế kỷ I TCN đến khoảng thế kỷ IV SCN. Tức là chấp nối thêm. Tư tưởng chính: “Pháp giới duyên khởi”, “Nhất tâm bao hàm vạn pháp”. [Tư tưởng] này nói cái gì cũng có trong tâm hết. Kinh gốc: Dựa lỏng lẻo trên “Duyên khởi”, nhưng thêm “Pháp giới nhất thể” (Pháp giới nhất thể là Kinh Hoa Nghiêm thêm điều này vô, còn kinh Nguyên thủy thì không có). Mức độ thêm thắt: Pha trộn triết học Ấn giáo (Brahman) (tức là thêm triết học của Ấn Độ giáo vào). Nhận định: Duyên khởi bị chuyển thành “Pháp giới đồng nhất thể”. Chính vì thế cho nên nói cái gì cũng từ Tự tánh, rồi từ Pháp giới đồng nhất thể, cho nên nói rất hay, nhưng thật ra đi hơi xa rồi đó.

Kinh Duy Ma Cật (Vimalakīrti) ra đời hoàng thế kỷ I – II sau Công nguyên). [Tư tưởng] là: “Bất nhị pháp môn”, “Tâm tịnh tức quốc độ tịnh”. [Gốc

kinh]: Gợi ý từ *Kinh Tập A-hàm* (SA 297 – “Pháp và phi pháp”). [Mức độ thêm]: Thêm mô hình “Cư sĩ tại gia thuyết pháp”. Điều này có là dựa vào ngài Tôn giả Chấṭ Đa La, ngài Cư sĩ chứng Tam quả A-na-hàm đó, dựa theo hình tượng đó mà xây dựng nên hình tượng ngài Duy Ma Cật. [Nhận định]: Có yếu tố xã hội hóa, nhưng thêm màu sắc văn học. Tức là mang xã hội hóa hơn, người Cư sĩ cũng có thể hoằng pháp được.

Kinh Lăng Già (Laṅkāvatāra) ra đời khoảng thế kỷ III – IV sau Công Nguyên (250–350 SCN)). [Tư tưởng]: “Như Lai tạng”, “Duy tâm sở hiện”. [Gốc kinh]: Phần “tâm tạo cảnh” từ SN 12.40, nhưng thêm “Như Lai tạng” – không có trong Pāli. [Mức độ thêm]: Thêm yếu tố bản thể luận. [Nhận định]: Có yếu tố “ngã vi tế” – mâu thuẫn Vô ngã. Như Lai tạng mâu thuẫn với Vô Ngã, tại vì [chấp vào] có một cái ngã thường còn.

Kinh Pháp Hoa (Saddharma Puṇḍarīka) ra đời khoảng thế kỷ I – II sau Công Nguyên (100–200 SCN)). [Tư tưởng]: “Nhất thừa”, “Phật tánh phổ biến”. [Gốc kinh]: Không có gốc Nikāya, nhưng dùng ẩn dụ từ *Kinh Ví Dụ Áo Rách* (MN 7). Quý vị kiểm kinh này. [Mức độ thêm]: Sáng tác thần học hóa. [Nhận định]: Bắt đầu thần thánh hóa Phật và cứu độ phổ quát. Tức là Đức Phật cứu độ hết tất cả, Ta chưa diệt độ, không có thật sự diệt độ, mà cứu độ hết tất cả. Chúng ta thấy rõ ràng mâu thuẫn thuẫn với kinh Nguyên thủy. Kinh Nguyên thủy [nói] Đức Phật nhập Niết-bàn là hết rồi, như ‘củi hết, lửa tắt’, nhưng Kinh Pháp Hoa nói là ‘Ta thật sự không có diệt độ’. Quý vị thấy đó là cứu hóa phổ quát đó.

VII.3. NHÓM KINH KHÔNG CÓ GỐC TRONG NIKĀYA (Sáng tác hậu kỳ, tôn giáo hóa)

Kinh Đại thừa	Tư tưởng chính	Đối chiếu trong Nikāya	Nguồn khảo cổ / văn bản học	Đánh giá học giả hiện đại

A Di Đà, Vô Lượng Thọ (Ra đời khoảng 100–200 năm SCN)	“Tha lực – Vãng sinh – Cực Lạc”	Không có bản Pāli hay A-hàm tương đương	Có bản Sanskrit, nhưng không đầy đủ.	Étienne Lamotte, Paul Williams: “Sáng tác hậu kỳ nhằm phổ cập tín ngưỡng đại chúng”.
Quán Vô Lượng Thọ (Ra đời khoảng 250–300 năm SCN)	“Tha lực – Vãng sinh – Cực Lạc”	Không có bản Pāli hay A-hàm tương đương	Không tìm thấy bản Sanskrit cổ; chỉ có bản Hán	
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Ra đời khoảng 650–750 năm SCN)	“Thức thứ tám, Như Lai tạng”	Không có trong Pāli	Chỉ xuất hiện ở Trung Hoa	Các học giả (Ui Hakuju, Lü Cheng): “Sáng tác tại Trung Hoa”.
Kinh Hoa Thủ, Kinh Đại Bát Niết-bàn (phiên bản Đại thừa) (Ra đời khoảng 300–400 năm SCN)	“Phật tánh thường trụ”, “Như Lai bất diệt”	Không tương đương với <i>Mahāparinibbāna Sutta (DN 16)</i>	Bản Hán TK IV–V, bản Sanskrit Kinh Niết Bàn không đầy đủ	Học giả Hirakawa: “Dịch giả Hán sáng tác mở rộng từ ý niệm Bản thể Phật”.

Kinh Đại Nhật (Mahāvairocanābhisambodhi) (Ra đời khoảng 650–725 năm SCN)	“Phật Tỳ Lô Giá Na, Mật chú – ấn pháp”	Không có	Tây Tạng – Ấn giáo ảnh hưởng, có bản Sanskrit.	Snellgrove, Tucci: “Kinh Mật tông hậu kỳ, hòa trộn Tantra”.
---	--	----------	--	---

[Cột thứ nhất]: Kinh Đại thừa; [Cột thứ hai]: Tư tưởng chính. [Cột thứ ba]: Đối chiếu trong Nikaya. [Cột thứ tư]: Nguồn gốc khảo cổ/văn bản học. [Cột thứ năm]: Đánh giá học giả hiện đại.

Kinh A Di Đà, Vô Lượng Thọ ra đời khoảng 100–200 năm SCN). [Tư tưởng]: “Tha lực – Vãng sinh – Cực Lạc”. [Đối chiếu]: Không có bản Pāli hay A Hàm tương đương. Nguồn gốc: Có bản Sanskrit (tức là từ Ấn độ chứ không phải từ Trung Quốc), nhưng không đầy đủ. Tức là bây giờ người ta đối chiếu bản Sanskrit tại Ấn Độ với bản chữ Hán thì thấy không tương ứng, bản chữ Hán rất nhiều mà bản Sanskrit tại Ấn Độ thì ít. [Đánh giá]: Étienne Lamotte, Paul Williams: “Sáng tác hậu kỳ nhằm phổ cập tín ngưỡng đại chúng”.

Quán Vô Lượng Thọ ra đời khoảng 250–300 năm SCN). [Tư tưởng]: “Tha lực – Vãng sinh – Cực Lạc”. [Đối chiếu]: Không có bản Pāli hay A-hàm tương đương. [Nguồn gốc]: Không tìm thấy bản Sanskrit cổ; chỉ có bản Hán. [Đánh giá]: Étienne Lamotte (người Bỉ), Paul Williams (người Anh), hai ngài rất nổi tiếng nhận xét: “Sáng tác hậu kỳ nhằm phổ cập tín ngưỡng đại chúng”. Điều này là sáng tác sau này, như vậy Kinh Quán Vô Lượng Thọ hoàn toàn không có bản Sanskrit cổ, chỉ có bản chữ Hán thôi. Cho nên hèn chi mình tu mấy pháp quán, tu không nổi là đúng rồi, khó tu quá là do vậy. Tại vì người sau người ta thêm vào, không phải là kinh gốc.

Nhận xét chung là mấy kinh này là phổ cập tín ngưỡng nhân gian và phát triển mạnh tại Trung Hoa, thậm chí phát triển qua luôn cả Tây Tạng nữa. Như vậy Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ có bản Sanskrit, nhưng không đầy đủ như kinh bây giờ. Có năm bản gốc đó, nếu quý vị muốn biết năm bản Kinh Vô Lượng

Thọ gốc thì lên mạng đánh vô, người ta có bản nghiên cứu từ đâu ra luôn.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm (rất nổi tiếng với học giả Đại thừa) ra đời khoảng 650–750 năm SCN). [Tur tưởng]: “Thức thứ tám, Như Lai tạng”. [Đối chiếu]: Không có trong Pāli. [Nguồn gốc]: Chỉ xuất hiện ở Trung Hoa (cũng không có bản Sanskrit). [Đánh giá]: Các học giả (Ui Hakuju, Lü Cheng): “Sáng tác tại Trung Hoa”. Mà đúng, [kinh này] rất mang màu sắc Trung Hoa, đó là theo Thiện Trang. Quý vị có thể nghiên cứu sau, mình cứ nghe để [đấy] thôi.

Kinh Hoa Thủ, Kinh Đại Bát Niết-bàn (phiên bản Đại thừa) ra đời khoảng 300–400 năm SCN (tức là thế kỷ thứ IV, V). [Tur tưởng]: “Phật tánh thường trụ”, “Như Lai bất diệt”. ‘Phật tánh thường trụ’ là do ngài Huệ Năng phát hiện ra [điểm] sai, ngài đổi lại đó. Làm gì có Phật tánh mà thường trụ được, Phật tánh phải vô thường chứ. Ngài Huệ Năng đổi lại, tức là ngài chứng đạo cho nên ngài thấy được người đời sau sáng tác không đúng. ‘Như Lai bất diệt’ là không có. [Đối chiếu]: Không tương đương với *Mahāparinibbāna Sutta (DN 16)*. [Nguồn gốc]: Bản Hán TK IV–V, bản Sanskrit Kinh Niết Bàn không đầy đủ (chỉ có một phần thôi). [Đánh giá]: Học giả Hirakawa (người Nhật): “Dịch giả Hán sáng tác mở rộng từ ý niệm Bản thể Phật”. Tức là những nhà học giả này nhận xét như thế.

Kinh Đại Nhật (Mahāvairocanābhisambodhi) ra đời khoảng 650–725 năm SCN (tức là thế kỷ VII, VIII sau Công nguyên). [Tur tưởng]: “Phật Tỳ Lô Giá Na, Mật chú – ấn pháp”. [Đối chiếu]: Không có (trong Kinh A Hàm, Nikaya). [Nguồn gốc]: chỉ có Tây Tạng – Ấn giáo ảnh hưởng, có bản Sanskrit. Người ta cũng nhận định là có khả năng bản này dịch ngược lại. Có nhiều bản Sanskrit, nhưng [do họ] dịch ngược lại, cho nên bây giờ coi bản Sanskrit cũng chưa chắc ăn nữa. [Đánh giá]: Ngài Snellgrove, Tucci: “Kinh Mật tông hậu kỳ, hòa trộn Tantra”. Cho nên tại sao bây giờ mình tu quá trời chú, là tại vì sau này.

VII.4. ĐỐI CHIẾU TỪ NGUYÊN (Pāli ↔ Sanskrit ↔ Hán)

TT	Khái niệm Pāli nguyên thủy	Tương ứng Đại thừa / Hán tạng	Ghi chú so sánh
----	-------------------------------	----------------------------------	-----------------

1	<i>Paṭiccasamuppāda</i> (Duyên khởi)	<i>Pratītya-samutpāda</i> → “Tánh Không” (Śūnyatā)	Dịch đúng, nhưng về sau biến thành “vô tự tánh” mang màu siêu hình.
2	<i>Anattā</i> (Vô ngã)	“Như Lai tạng”, “Phật tánh”	Trái nghĩa: “Như Lai tạng” trở thành bản thể tiềm ẩn → sai lệch gốc.
3	<i>Sati – Samādhī – Paññā</i> (Niệm – Định – Tuệ)	“Niệm Phật”, “Tam mật tương ưng”	Biến thực hành tâm lý thành nghi thức tôn giáo.
4	<i>Nibbāna</i> (Niết-bàn)	“Đại Niết-bàn” (Pháp thân thường trụ)	Pāli: đoạn tận tham-sân-si; Đại thừa: bản thể vĩnh hằng → đối nghịch gốc.

1. Khái niệm *Paṭiccasamuppāda* (Duyên khởi): chuyển sang Đại thừa là *Pratītya-samutpāda* → “Tánh Không” (Śūnyatā). Dịch đúng, nhưng về sau biến thành “vô tự tánh” mang màu siêu hình. ‘Vô tự tánh’ là bên Duy Thức. Hồi xưa Thiện Trang cũng thấy chỗ ‘vô tự tánh’ này kì kì, bây giờ thì mình biết là tại sao.

2. Khái niệm *Anattā* (Vô ngã): Đại thừa chuyển thành “Như Lai tạng”, “Phật tánh” thì trái nghĩa với: “Như Lai tạng” trở thành bản thể tiềm ẩn → sai lệch gốc. Điều này Thiện Trang có nói, nếu quý vị chấp vào một cái thường còn là quý vị không phá ngã được.

Cho nên nếu học mấy điều này thì mình phải suy xét, không biết sao Thiện Trang kêu nó kỳ vậy, bây giờ đọc lại bản này thì thấy có lẽ các ngài này đúng. Thiện Trang nói có lẽ nha, quý vị có thể tự khẳng định cho mình. Mình nghe chứ chớ vội tin, chớ vội bác, cứ nghe đi rồi suy xét. Rồi phải tu nữa, phải trải nghiệm. Pháp nào tu, mình quan sát bao nhiêu năm qua, ví dụ như gần đây nhiều đồng tu [Tịnh độ] già rồi nói với Thiện Trang, thật ra bao nhiêu năm qua tu thấy đâu có ai thành tựu đâu. Vì sao? Vì đến lúc chết là mê mờ v.v... đâu thấy rõ ràng đâu. Toàn là coi trên mạng, coi trên sách báo thì thấy nói người này vãng sanh, người kia vãng sanh, nhưng thực tế đâu có. Cho nên mình phải tu, mình phải trải

nghiệm, chứ còn mình nghe không [thôi] thì chưa, nhưng cứ nghe thử đi rồi tu.

3. Khái niệm *Sati – Samādhī – Paññā* (Niệm – Định – Tuệ) thì tương ứng Đại thừa là: “Niệm Phật”, “Tam mật tương ưng”. Chuyển sang Đại thừa thì: Biến thực hành tâm lý thành nghi thức tôn giáo. Bây giờ thì tôn giáo nhiều hơn, ví dụ mình lạy Phật rồi đủ thứ các kiểu, thì hơi mê tín. Thực ra quý vị coi kinh Nguyên thủy đâu có vậy.

4. Khái niệm *Nibbāna* (Niết-bàn) [chuyển sang Đại thừa] là: “Đại Niết-bàn” (Pháp thân thường trụ). Ở Pāli là: đoạn tận tham-sân-si; còn Đại thừa là: bản thể vĩnh hằng → đối nghịch gốc. Điều này hồi xưa mình không hiểu, mình cứ nói bên Đại thừa nói vậy, bên Nguyên thủy nói vậy. Nhưng bây giờ Thiện Trang thấy là Nguyên thủy đúng, còn [Đại thừa] này không đúng, mang tính thường hằng là không được.

VII.6. NHẬN ĐỊNH HỌC GIẢ (tóm tắt)

TT	Học giả	Tác phẩm / năm
1	Étienne Lamotte (<i>Histoire du Bouddhisme Indien</i> , 1958)	Các kinh Đại thừa đầu tiên (Bát-nhã) có thể xuất hiện khoảng TK I CN; phần lớn còn lại sáng tác muộn TK II–III.
2	A.K. Warder (<i>Indian Buddhism</i> , 2000)	Kinh Nikāya là nguồn gốc xác thực duy nhất; Đại thừa phát triển tại Nam Ấn từ nhánh Mahāsāṃghika.
3	Paul Williams (<i>Mahāyāna Buddhism</i> , 1989)	Đại thừa chuyển từ triết học sang tôn giáo hóa do nhu cầu quần chúng – không do chính Đức Phật dạy.
4	Bhikkhu Analayo (<i>Comparative Study of the Majjhima Nikāya and Madhyama Āgama</i> , 2011)	So sánh song ngữ xác nhận hầu hết nội dung Đại thừa không có bản tương đương trong A-hàm.

1. Ngài người Bỉ: Étienne Lamotte (*Histoire du Bouddhisme Indien*, 1958): Ngài nhận xét: Các kinh Đại thừa đầu tiên (Bát-nhã) có thể xuất hiện

khoảng TK I CN; phần lớn còn lại sáng tác muộn TK II–III.

2. Ngài A.K. Warder (*Indian Buddhism*, 2000) nói: Kinh Nikāya là nguồn gốc xác thực duy nhất; Đại thừa phát triển tại Nam Ấn từ nhánh Mahāsāṃghika.

3. Ngài Paul Williams (*Mahāyāna Buddhism*, 1989) nói: Đại thừa chuyển từ triết học sang tôn giáo hóa do nhu cầu quần chúng – không do chính Đức Phật dạy.

4. Ngài Tỳ-kheo Bhikkhu Analayo (*Comparative Study of the Majjhima Nikāya and Madhyama Āgama*, 2011) (người Đức), ngài nhận định rằng: So sánh song ngữ xác nhận hầu hết nội dung Đại thừa không có bản tương đương trong A-hàm.

Mình thấy như thế, [đây là] các ngài nhận xét. Cuối cùng tổng kết nữa là hết.

VII.7. TỔNG KẾT: CẤP ĐỘ “XA GỐC” CỦA CÁC BỘ KINH

Mức độ	Đặc điểm	Ví dụ
1. Nguyên thủy	Có trong Nikāya – đồng nhất tinh thần Phật dạy	Dhammapada, Satipaṭṭhāna, Anattalakkhaṇa (Giới, Định, Tuệ)
2. Phát triển triết học	Dựa trên Duyên khởi, không trái Vô ngã	Bát-nhã, Trung Quán, Duy thức
3. Tín ngưỡng hóa	Thêm tha lực, Phật tánh, quốc độ	Pháp Hoa, Hoa Nghiêm
4. Thần thoại hóa / Bản thể luận	Thêm cõi Cực Lạc, Như Lai tạng, thần chú	A Di Đà, Lăng Nghiêm, Đại Nhật
5. Hậu kỳ pha trộn	Kết hợp Ấn giáo – Lão Trang – Mật pháp	Mật tông, Kim Cang thừa

1. Mức độ **Nguyên thủy**. Đặc điểm: Có trong Nikāya – đồng nhất tinh thần Phật dạy. Ví dụ kinh Nguyên thủy, các kinh như Dhammapada, Satipaṭṭhāna,

Anattalakkhaṇa [nói] về Giới, Định, Tuệ là ok.

2. [Mức độ] **Phát triển triết học**. [Đặc điểm]: Dựa trên Duyên khởi, không trái Vô ngã. Các bộ kinh như Kinh Bát-nhã, Trung Quán, Duy thức.

3. [Mức độ] **Tín ngưỡng hóa**. [Đặc điểm]: Thêm tha lực, Phật tánh, các cõi nước của chư Phật. Thì có các kinh như Kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm.

4. [Mức độ] **Thần thoại hóa/Bản thể luận**. [Đặc điểm]: Thêm cõi Cực Lạc, Như Lai tạng, thần chú, Kinh A Di Đà, Lăng Nghiêm, Đại Nhật Như Lai.

5. [Mức độ] **Hậu kỳ pha trộn**. [Đặc điểm]: Kết hợp Ấn giáo – Lão Trang – Mật pháp. Tức là [pha] Đạo, Nho... tùm lum vô. Mật tông, Kim Cang thừa... tùm lum hết. Cho nên bây giờ người ta nói mình tu không nguyên thủy là vậy. Ai tin thì tin, ai không tin thì thôi.

Tóm lại, tổng kết như sau:

VIII. TỔNG KẾT VÀ ĐÁNH GIÁ.

1. Phật giáo nguyên thủy giữ trọn vẹn Duyên khởi – Vô ngã.

2. Đại thừa triết học (Long Thọ, Duy Thức) diễn giải hợp lý.

3. Đại thừa tín ngưỡng (Tịnh độ, Pháp Hoa) làm lệch tinh thần Bát Chánh Đạo. (Đó là các ngài đó nhận xét, mình đọc lại thôi)

4. Trung Hoa hóa biến Phật pháp thành tôn giáo cầu nguyện.

5. Phục hưng thời hiện đại (bây giờ là Theravāda) đang đưa Phật giáo trở lại tinh thần gốc.

Nói [với] quý vị những niềm vui thế này, bây giờ hầu như phương Tây theo Phật giáo Theravāda. Quý vị đi [ra ngoài], gặp người ta hỏi quý vị tu [pháp] gì, mà quý vị nói tu theo Mahayana (Đại thừa) là người ta có vẻ không vui, người ta chê mình đó. Vì thật ra người ta nghiên cứu rất nhiều, họ nghiên cứu nhiều sách lắm, tại người Việt Nam mình ít đọc sách và ít được quan tâm, thành ra mình không biết, chứ thực tế người ta biết hết rồi. Thiện Trang hồi xưa có coi, nhưng Thiện Trang không tin mấy điều đó, Thiện Trang kêu mấy nhà học giả

nguyên cứu không à. Người ta nghiên cứu, người ta khảo cổ v.v... mình có biết cái gì đâu, mấy ngàn năm trước rồi. Nhưng bây giờ, sau khi mình duyệt hết, coi hết Kinh A Hàm, Kinh Nikaya, kinh Đại thừa coi còn vài bộ thôi, không coi nữa vì cũng ngán quá rồi, thì thấy đúng. Thực ra kinh Nguyên thủy vẫn ok, những điều người ta nói không sai.

Quan trọng là phải trải nghiệm, phải thực hành. Và quý vị quan sát những người thực hành theo những pháp đời sau, trong này nhận xét là đời sau tạo ra đó, thì cuối cùng đi về đâu? Kết quả như thế nào? Đó, quý vị phải quan sát, mình phải tự chiêm nghiệm, pháp Nguyên thủy mình thực hành tới đâu thấy hiệu quả tới đó. Còn pháp Đại thừa nói cao siêu, nhưng thực sự tu không được, nói thì nói hay quá, đúng cách triết học hoá, thần thánh ghê gớm, nhưng tu không được. Từ đó mình thấy không ổn, thành ra cuối cùng trở về với Đạo Phật gốc. Nếu ai nghe được, chấp nhận được đó là một điều tốt. Còn không nghe được, không chấp nhận được cũng là điều tốt, từ từ, mình có duyên rồi, từ từ thực hành.

Những điều này không phải phỉ báng gì đâu, mà đây là công nhận toàn thế giới. Quý vị lên Google, lên ChatGPT, hay có chương trình nào, quý vị hỏi là ra, tìm sách đây, nhà nghiên cứu người ta đưa đây trên mạng rồi. Cho nên dần dần về sau, cuối cùng cũng trở về gốc thôi. Đài Loan cũng là một nước [tu theo] Đại thừa, bây giờ người ta cũng bắt đầu trở về gốc rồi, dần dần người ta không học kinh điển Đại thừa nữa, họ cũng học qua kinh Nguyên thủy rồi, cả những nước này nước kia nữa.

Cho nên hồi xưa mình không hiểu, tại sao Phật giáo Trung Hoa phải diệt, tại sao Phật giáo này Phật giáo kia phải diệt, tại sao Phật giáo Ấn Độ phải diệt vào thế kỷ thứ VI? Bởi vì Phật giáo đó đâu còn là Phật giáo Nguyên thủy nữa, chư Thiên không bảo hộ, quý vị hiểu không ạ? Chư Thiên không bảo hộ, bảo hộ làm chi cho Phật giáo loạn cào cào như thế. Cho nên chư Thiên không bảo hộ, chư Thiên phải để cho diệt đi. Hồi xưa thì mình trách sao Phật giáo không linh? Thực ra linh đấy chứ, chư Thiên không bảo hộ, phải để cho diệt đi, để từ từ đến lúc nào đó khôi phục gốc Phật giáo lại.

Bây giờ cũng vậy đó, hồi xưa mình tưởng diệt hết Phật giáo, ai ngờ nhờ

diệt Phật giáo Phát triển thì Phật giáo Nguyên thủy mới đứng lên được. Từ đó mình biết nhiều điều lắm, mình nhìn nhận hồi xưa chưa chính xác, bây giờ thấy vui lắm, bởi vì sao? Phật giáo Nguyên thủy bây giờ đang hưng thịnh, hưng thịnh trên toàn thế giới, không phải chỉ tại một đất nước mà toàn bộ hưng thịnh. Còn nơi nào Phật giáo mà chư Thiên không bảo hộ, nên khiến có người tiêu diệt Phật giáo, họ phải tiêu diệt. Nhưng Phật giáo đó đâu phải Phật giáo gốc của Phật đâu, bị pha trộn đủ thứ vào. Sau này mình thấy ok, đúng là chư Thiên gia hộ, cho nên bây giờ quý vị niệm chư Thiên rất là an lạc, rất là thoải mái.

Hôm nay Thiện Trang chia sẻ hơi dài, hy vọng quý vị nghe được những điều này, để cung cấp cho quý vị. Quý vị có thể coi lại và có thể hỏi thêm trên ChatGPT hay hỏi trên mạng, search ra, đọc nhiều hơn để hiểu hơn, tại sao người ta tu bao nhiêu năm cuối cùng cũng quay về Nguyên thủy? Còn mình biết ít quá, mình ôm những cái đó, và ai nói ngược với mình là cứ nói phỉ báng. Thực ra, quý vị thấy những kinh Đại thừa sau này mới hù dọa chúng sanh nhiều, nào là dọa Địa ngục vô lượng kiếp tù mù. Chứ còn kinh Nguyên thủy, Đức Phật đâu có hù dọa chúng sanh, Đức Phật từ bi vô cùng, Đức Phật rất tuyệt vời. Còn sau này các ngài sáng tác thêm mới hù dọa chúng sanh, làm cái gì cũng hù dọa dọa Địa ngục, hù cho nó sợ để không chống mình, kiểu vậy đó.

Cho nên bây giờ nhiều người rớt vào đó rồi ra không được, thật đáng thương! Cuối cùng cuối đời đâu có giải quyết được vấn đề gì đâu, tu một hồi lạc, tu đến cuối đời ảo tưởng. Mình bị rớt vào triết học, triết lý thần thánh hoá, mình ảo tưởng ghê gớm, nhưng cuối cùng chết đâu có giải quyết được vấn đề, chết cũng vậy, chết cũng dọa lạc bình thường. Cho nên đó là điều chúng ta cần nên cố gắng.

Hôm nay thời gian cũng hết rồi, Thiện Trang xin chia sẻ tới đây. Quý vị coi [bài] này, có thời gian thì coi đi coi lại. Thiện Trang sẽ đẩy file này lên mạng để quý vị coi tới coi lui, [để] hiểu hơn. Chỉ cần nắm được sơ khởi là được rồi.

Hẹn quý vị hôm khác! Mời quý vị, chúng ta hồi hướng.

“Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả
Đệ tử cùng chúng sanh
Đều sớm thành đạo quả”.